



Ký bởi: Sở Xây dựng tỉnh Điện Biên
Địa điểm: Phường Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 845 /CBGVLXD-SXD

Điện Biên, ngày 25 tháng 02 năm 2026

CÔNG BỐ

Thông tin giá vật liệu xây dựng trên thị trường tỉnh Điện Biên tại thời điểm tháng 02 năm 2026

Căn cứ Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về giảm thuế giá trị gia tăng; Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về việc quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 01/2023/TT-BXD ngày 30/6/2023 ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng; số 10/2024/TT-BXD ngày 01/11/2024 về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá vật liệu xây dựng; số 01/2025/TT-BXD về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình; số 60/2025/TT-BXD ngày 30/12/2025 về Sửa đổi, bổ sung một số nội dung các Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình và Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 8/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 653/QĐ-UBND ngày 04/5/2021 của UBND tỉnh Điện Biên, về việc ủy quyền công bố chỉ số giá xây dựng, giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định số 109/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Điện Biên, về việc Ban hành Quy định phân công thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Báo cáo giá vật liệu xây dựng của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị các phường; phòng Kinh tế các xã; Báo giá của nhà sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng (VLXD); diễn biến giá thị trường và kết quả khảo sát một số loại vật liệu xây dựng trên thị trường tỉnh Điện Biên tại thời điểm tháng 02 năm 2026.

SỞ XÂY DỰNG CÔNG BỐ :

1. Thông tin giá vật liệu xây dựng trên thị trường tỉnh Điện Biên tại thời điểm tháng 02 năm 2026 chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).

(Có biểu phụ lục chi tiết kèm theo)

Giá đá, cát, sỏi trong công bố giá không áp dụng cho các đơn vị khai thác tại chỗ để phục vụ xây dựng công trình, khi có phát sinh, biến động tăng, giảm giá chủ đầu tư kịp thời xây dựng lại cơ cấu giá thành đề nghị Sở Xây dựng xác định giá theo quy định.

2. Mức giá VLXD lưu thông tại trung tâm các xã, phường là giá tối đa đến công trình đối với những công trình được đầu tư xây dựng ở trung tâm các xã, phường (Quy định khu vực trung tâm theo địa giới hành chính của các xã, phường) thời điểm tháng 02 năm 2026.

3. Đối với các xã còn lại không có trong công bố giá này, đề nghị Chủ đầu tư, các chủ thể có liên quan khác căn cứ vào giá vật liệu xây dựng đã được công bố tại địa bàn các xã, phường khu vực lân cận để tham khảo, lựa chọn áp dụng phục vụ trong công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng, đảm bảo quy cách, chất lượng, nguồn gốc xuất xứ và khả năng cung ứng vật liệu xây dựng cho các công trình xây dựng. Trên nguyên tắc tiết kiệm, đảm bảo hiệu quả kinh tế của dự án đầu tư xây dựng trên từng địa bàn. Chủ đầu tư và các chủ thể có liên quan khác chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và cơ quan có thẩm quyền về quyết định của mình.

4. Thông tin giá VLXD trong bảng công bố này có giá trị tại thời điểm tháng 02 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng;
- UBND các xã, phường;
- Website Sở Xây dựng;
- Lưu: VT, KT&BĐS.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Minh Lượng

CÔNG BỐ GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÁNG 02 NĂM 2026 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN

(Kèm theo Công bố số: /CBGVLXD-SXD, ngày /02/2026

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luân	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
A	B	C	D	E	F	G	H	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	I. ĐÁ XÂY DỰNG																								
1	Đá học	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		CÔNG TY TNHH TM&DV HOÀNG ANH	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Điểm mỏ Ka Hâu 2, xã Sam Mứn; ĐT: 0982.888.988						162.000												
2	Đá 4x6	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		CÔNG TY TNHH TM&DV HOÀNG ANH	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Điểm mỏ Ka Hâu 2, xã Sam Mứn; ĐT: 0982.888.988						210.000												
3	Đá 2x4	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		CÔNG TY TNHH TM&DV HOÀNG ANH	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Điểm mỏ Ka Hâu 2, xã Sam Mứn; ĐT: 0982.888.988						217.000												
4	Đá 1x2	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		CÔNG TY TNHH TM&DV HOÀNG ANH	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Điểm mỏ Ka Hâu 2, xã Sam Mứn; ĐT: 0982.888.988						222.000												
5	Đá 0,5x1	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		CÔNG TY TNHH TM&DV HOÀNG ANH	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Điểm mỏ Ka Hâu 2, xã Sam Mứn; ĐT: 0982.888.988						222.000												
6	Đá mặt	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		CÔNG TY TNHH TM&DV HOÀNG ANH	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Điểm mỏ Tây Trang 10, xã Sam Mứn ĐT: 093.2323.799						214.000												
7	Base	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		CÔNG TY TNHH TM&DV HOÀNG ANH	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Điểm mỏ Ka Hâu 2, xã Sam Mứn; ĐT: 0982.888.988						212.000												
8	Subbase	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		CÔNG TY TNHH TM&DV HOÀNG ANH	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Điểm mỏ Ka Hâu 2, xã Sam Mứn; ĐT: 0982.888.988						174.000												
9	Đất đắp làm vật liệu san lấp	m3			CÔNG TY TNHH TM&DV HOÀNG ANH	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Điểm mỏ Ka Hâu 2, xã Sam Mứn; ĐT: 0982.888.988						50.762												
10	Đá đắp nền	m3			CÔNG TY TNHH TM&DV HOÀNG ANH	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Điểm mỏ Ka Hâu 2, xã Sam Mứn; ĐT: 0982.888.988						50.000												

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luôn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
11	Đá học	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty CP ĐTTM Hưng Long	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô Tây Trang 10 xã Sam Mứn						175.000												
12	Đá 4x6	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty CP ĐTTM Hưng Long	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô Tây Trang 10 xã Sam Mứn						224.000												
13	Đá 2x4	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty CP ĐTTM Hưng Long	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô Tây Trang 10 xã Sam Mứn						233.000												
14	Đá 1x2	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty CP ĐTTM Hưng Long	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô Tây Trang 10 xã Sam Mứn						241.000												
15	Đá 0,5x1	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty CP ĐTTM Hưng Long	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô Tây Trang 10 xã Sam Mứn						241.000												
16	Đá mặt	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty CP ĐTTM Hưng Long	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô Tây Trang 10 xã Sam Mứn						230.000												
17	Base	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty CP ĐTTM Hưng Long	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô Tây Trang 10 xã Sam Mứn						227.000												
18	Subbase	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty CP ĐTTM Hưng Long	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô Tây Trang 10 xã Sam Mứn						186.000												
19	Đá đắp nền	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty CP ĐTTM Hưng Long	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô Tây Trang 10 xã Sam Mứn						58.000												
20	Đá học	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty CP Đường bộ 226	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá Minh Thắng, xã Quài Nưa, huyện Tuần Giáo; ĐT: 0912.631.006					209.000													
21	Đá 4x6	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty CP Đường bộ 226	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá Minh Thắng, xã Tuần Giáo; ĐT: 0912.631.006					262.000													
22	Đá 2x4	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty CP Đường bộ 226	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá Minh Thắng, xã Tuần Giáo; ĐT: 0912.631.006					272.000													

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhé	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
23	Đá 1x2	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty CP Đường bộ 226	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá Minh Thắng, xã Tuần Giáo; ĐT: 0912.631.006					283.000													
24	Đá 0,5x1	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty CP Đường bộ 226	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá Minh Thắng, xã Tuần Giáo; ĐT: 0912.631.006					283.000													
25	Đá mặt	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty CP Đường bộ 226	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá Minh Thắng, xã Tuần Giáo; ĐT: 0912.631.006					269.000													
26	Base	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty CP Đường bộ 226	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá Minh Thắng, xã Tuần Giáo; ĐT: 0912.631.006					266.000													
27	Subbase	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty CP Đường bộ 226	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá Minh Thắng, xã Tuần Giáo; ĐT: 0912.631.006					217.000													
28	Đá hộc	m3	TCVN 7570:2006		Công Ty TNHH Trường Thọ Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá tại mỏ Păng Dẻ B, xã Xá Nhé; ĐT: 02153.824.921 hoặc 0989.847.663								168.543										
29	Đá 4x6	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công Ty TNHH Trường Thọ Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá tại mỏ Păng Dẻ B, xã Xá Nhé; ĐT: 02153.824.921 hoặc 0989.847.663								215.741										
30	Đá 2x4	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công Ty TNHH Trường Thọ Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá tại mỏ Păng Dẻ B, xã Xá Nhé; ĐT: 02153.824.921 hoặc 0989.847.663								223.783										
31	Đá 1x2	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công Ty TNHH Trường Thọ Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá tại mỏ Păng Dẻ B, xã Xá Nhé; ĐT: 02153.824.921 hoặc 0989.847.663								228.609										
32	Đá 0,5x1	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công Ty TNHH Trường Thọ Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá tại mỏ Păng Dẻ B, xã Xá Nhé; ĐT: 02153.824.921 hoặc 0989.847.663								231.825										

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
33	Đá mặt	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công Ty TNHH Trường Thọ Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá tại mỏ Páng Dề B, xã Xá Nhè; ĐT: 02153.824.921 hoặc 0989.847.663								228.825										
34	Base	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công Ty TNHH Trường Thọ Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá tại mỏ Páng Dề B, xã Xá Nhè; ĐT: 02153.824.921 hoặc 0989.847.663								219.566										
35	Subbase	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công Ty TNHH Trường Thọ Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá tại mỏ Páng Dề B, xã Xá Nhè; ĐT: 02153.824.921 hoặc 0989.847.663								180.964										
36	Đá hộc	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Hoàng Anh tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá Sín Sủ, xã Xá Nhè; ĐT: 0385.899.936								175.011										
37	Đá 4x6	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Hoàng Anh tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá Sín Sủ, xã Xá Nhè; ĐT: 0385.899.936								210.826										
38	Đá 2x4	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Hoàng Anh tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá Sín Sủ, xã Xá Nhè; ĐT: 0385.899.936								218.646										
39	Đá 1x2	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Hoàng Anh tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá Sín Sủ, xã Xá Nhè; ĐT: 0385.899.936								223.337										
40	Đá 0,5x1	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Hoàng Anh tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá Sín Sủ, xã Xá Nhè; ĐT: 0385.899.936								226.465										
41	Đá mặt	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Hoàng Anh tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá Sín Sủ, xã Xá Nhè; ĐT: 0385.899.936								223.465										
42	Đá Base	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Hoàng Anh tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá Sín Sủ, xã Xá Nhè; ĐT: 0385.899.936								212.909										

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luân	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
43	Đá subbase	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Hoàng Anh tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá Sín Sù, xã Xá Nhè; ĐT: 0385.899.936								174.986										
44	Đá hộc	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Minh Quý Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá xã Mường Ảng, tỉnh Điện Biên							195.000											
45	Đá 4x6	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Minh Quý Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá xã Mường Ảng, tỉnh Điện Biên							258.000											
46	Đá 2x4	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Minh Quý Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá xã Mường Ảng, tỉnh Điện Biên							268.000											
47	Đá 1x2	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Minh Quý Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá xã Mường Ảng, tỉnh Điện Biên							277.000											
48	Đá 0,5x1	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Minh Quý Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá xã Mường Ảng, tỉnh Điện Biên							277.000											
49	Đá mặt	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Minh Quý Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá xã Mường Ảng, tỉnh Điện Biên							256.000											
50	Đá cấp phối loại 1	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Minh Quý Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá xã Mường Ảng, tỉnh Điện Biên							261.000											
51	Đá cấp phối loại 2	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Minh Quý Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá Mường Ảng 1, xã Mường Ảng							216.000											
52	Đá hộc	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Trường Thọ Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	mô Pa tần, xã Mường Chà																305.502		

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luôn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
53	Đá 4x6	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Trường Thọ Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	mỏ Pa tẩn, xã Mường Chà																	366.396	
54	Đá 2x4	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Trường Thọ Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	mỏ Pa tẩn, xã Mường Chà																	381.286	
55	Đá 1x2	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Trường Thọ Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	mỏ Pa tẩn, xã Mường Chà																	390.220	
56	Đá 0,5x1	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Trường Thọ Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	mỏ Pa tẩn, xã Mường Chà																	396.176	
57	Đá mặt	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Trường Thọ Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	mỏ Pa tẩn, xã Mường Chà																	393.176	
58	Base	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2016		Công ty TNHH Trường Thọ Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	mỏ Pa tẩn, xã Mường Chà																	374.330	
59	Subase	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2016		Công ty TNHH Trường Thọ Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	mỏ Pa tẩn, xã Mường Chà																	374.330	
60	Đá hộc	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2016		Công ty TNHH XD&TM Duy Hồng tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mỏ đá xã Sinh Phình, tỉnh Điện Biên					180.000													
61	Đá 4x6	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2016		Công ty TNHH XD&TM Duy Hồng tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mỏ đá xã Sinh Phình, tỉnh Điện Biên					230.000													
62	Đá 2x4	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2016		Công ty TNHH XD&TM Duy Hồng tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mỏ đá xã Sinh Phình, tỉnh Điện Biên					238.000													

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tả ủa Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhé	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
63	Đá 1x2	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2016		Công ty TNHH XD&TM Duy Hồng tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá xã Sinh Phình, tỉnh Điện Biên				247.000														
64	Đá 0,5x1	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2016		Công ty TNHH XD&TM Duy Hồng tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá xã Sinh Phình, tỉnh Điện Biên				247.000														
65	Đá mặt	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2016		Công ty TNHH XD&TM Duy Hồng tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá xã Sinh Phình, tỉnh Điện Biên				235.000														
66	Base	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2016		Công ty TNHH XD&TM Duy Hồng tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá xã Sinh Phình, tỉnh Điện Biên				232.000														
67	Subbase	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2016		Công ty TNHH XD&TM Duy Hồng tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá xã Sinh Phình, tỉnh Điện Biên				191.000														
68	Đá hộc	m3			Công ty cổ phần đường bộ 2 Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá Xã Na Sang, tỉnh Điện Biên									155.495									
69	Đá 4x6	m3			Công ty cổ phần đường bộ 2 Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá Xã Na Sang, tỉnh Điện Biên									201.923									
70	Đá 2x4	m3			Công ty cổ phần đường bộ 2 Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá Xã Na Sang, tỉnh Điện Biên									209.313									
71	Đá 1x2	m3			Công ty cổ phần đường bộ 2 Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá Xã Na Sang, tỉnh Điện Biên									213.747									
72	Đá 0,5x1	m3			Công ty cổ phần đường bộ 2 Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá Xã Na Sang, tỉnh Điện Biên									216.703									
73	Đá mặt	m3			Công ty cổ phần đường bộ 2 Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá Xã Na Sang, tỉnh Điện Biên									213.703									

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
74	Base	m3			Công ty cổ phần đường bộ 2 Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mỏ đá Xá Na Sang, tỉnh Điện Biên									205.727									
75	Subbase	m3			Công ty cổ phần đường bộ 2 Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mỏ đá Xá Na Sang, tỉnh Điện Biên									169.887									
76	Đá hộc	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Tới Hạnh	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mỏ đá Búng Lao, xã Búng Lao (Công ty TNHH Tới Hạnh có văn bản đề nghị số 12.01/VBDN-TH ngày 12/01/2026 về việc tiếp tục công bố giá VLXD hàng tháng, hoặc quý trên địa bàn tỉnh Điện Biên)														159.066				
77	Đá 4x6	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Tới Hạnh	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mỏ đá Búng Lao, xã Búng Lao (Công ty TNHH Tới Hạnh có văn bản đề nghị số 12.01/VBDN-TH ngày 12/01/2026 về việc tiếp tục công bố giá VLXD hàng tháng, hoặc quý trên địa bàn tỉnh Điện Biên)														193.856				
78	Đá 2x4	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Tới Hạnh	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mỏ đá Búng Lao, xã Búng Lao (Công ty TNHH Tới Hạnh có văn bản đề nghị số 12.01/VBDN-TH ngày 12/01/2026 về việc tiếp tục công bố giá VLXD hàng tháng, hoặc quý trên địa bàn tỉnh Điện Biên)														200.904				
79	Đá 1x2	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Tới Hạnh	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mỏ đá Búng Lao, xã Búng Lao (Công ty TNHH Tới Hạnh có văn bản đề nghị số 12.01/VBDN-TH ngày 12/01/2026 về việc tiếp tục công bố giá VLXD hàng tháng, hoặc quý trên địa bàn tỉnh Điện Biên)														205.133				

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhé	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
80	Đá 0,5x1	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Tới Hạnh	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá Búng Lao, xã Búng Lao (Công ty TNHH Tới Hạnh có văn bản đề nghị số 12.01/VBDN-TH ngày 12/01/2026 về việc tiếp tục công bố giá VLXD hàng tháng, hoặc quý trên địa bàn tỉnh Điện Biên)														207.902				
81	Đá mặt	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Tới Hạnh	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá Búng Lao, xã Búng Lao (Công ty TNHH Tới Hạnh có văn bản đề nghị số 12.01/VBDN-TH ngày 12/01/2026 về việc tiếp tục công bố giá VLXD hàng tháng, hoặc quý trên địa bàn tỉnh Điện Biên)														204.902				
82	Base	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Tới Hạnh	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá Búng Lao, xã Búng Lao (Công ty TNHH Tới Hạnh có văn bản đề nghị số 12.01/VBDN-TH ngày 12/01/2026 về việc tiếp tục công bố giá VLXD hàng tháng, hoặc quý trên địa bàn tỉnh Điện Biên)														195.437				
83	Subbase	m3	QCVN 2016:2019; TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Tới Hạnh	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mô đá Búng Lao, xã Búng Lao (Công ty TNHH Tới Hạnh có văn bản đề nghị số 12.01/VBDN-TH ngày 12/01/2026 về việc tiếp tục công bố giá VLXD hàng tháng, hoặc quý trên địa bàn tỉnh Điện Biên)														161.255				
II. CÁT XÂY DỰNG																									
84	Cát nghiền bê tông	m3	TCVN 9205:2012; QCVN 16:2023		Công ty TNHH TM&DV Hoàng Anh	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	mô Ka Hâu II, xã Sam Mứn						270.000												

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
85	Cát nghiền dùng đắp nền	m3	TCVN 9205:2012; QCVN 16:2023		Công ty TNHH TM&DV Hoàng Anh	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Điểm mỏ Ka Hâu 2, xã Sam Mứn						240.000												
86	Cát nghiền xây, trát	m3	TCVN 9205:2012; QCVN 16:2023		Công ty CP ĐTTM Hưng Long	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Điểm mỏ tây trang 10, xã Sam Mứn						280.000												
87	Cát nghiền bê tông	m3	TCVN 9205:2012; QCVN 16:2023		Công ty CP ĐTTM Hưng Long	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Điểm mỏ tây trang 10, xã Sam Mứn						290.000												
88	Cát nghiền xây, trát	m3	TCVN 9205:2012; QCVN 16:2023		Công ty cổ phần đường bộ 226	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Điểm mỏ Minh Thắng, xã Tuần Giáo					357.000													
89	Cát nghiền bê tông	m3	TCVN 9205:2012; QCVN 16:2023		Công ty cổ phần đường bộ 226	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Điểm mỏ Minh Thắng, xã Tuần Giáo					343.000													
90	Cát nghiền bê tông	m3	TCVN 9205:2012; QCVN 16:2023		Công ty cổ phần đường bộ 2 Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Điểm mỏ xã Na Sang, tỉnh Điện Biên									247.473									
91	Cát tự nhiên (Cát xây, cát bê tông)	m3	TCVN 9205:2012; QCVN 16:2023		Công ty TNHH Dững Minh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm thuế VAT và chi phí vận chuyển	Điểm mỏ thôn 2, xã Thanh Yên											370.815							
92	Cát trát (xoa) tự nhiên	m3	TCVN 9205:2012; QCVN 16:2023		Công ty TNHH Dững Minh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm thuế VAT và chi phí vận chuyển	Điểm mỏ thôn 2, xã Thanh Yên											322.430							
93	Cát nghiền bê tông	m3	TCVN 9205:2012; QCVN 16:2023		Công ty TNHH Minh Quý Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm thuế VAT và chi phí vận chuyển	Mỏ cát xã Mường Ảng, tỉnh Điện Biên							427.000											
94	Cát nghiền bê tông	m3	TCVN 9205:2012; QCVN 16:2023		Công ty TNHH XD&TM Duy Hồng tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mỏ cát xã Sinh Phình, tỉnh Điện Biên					388.000													

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
95	Cát tự nhiên (Cát xây, cát bê tông)	m3	TCVN 9205:2012; QCVN 16:2023		Công ty cổ phần Lộc Thịnh tây Bắc	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm thuế VAT và chi phí vận chuyển	Vị trí điểm mỏ: thuộc lòng suối Nậm Giỏi, bản Mường Luồn 1,2, xã Mường Luồn; Mỏ cát thuộc lòng suối Nậm Giỏi, bản Yên Bua, xã Mường Luồn; Mỏ cát Nậm Giỏi, bản Mường Luồn 2, xã Mường Luồn, tỉnh Điện Biên.													150.000					
96	Cát tự nhiên (Cát xây, cát bê tông)	m3	TCVN 9205:2012; QCVN 16:2023		Công ty TNHH Duyên Hùng tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm thuế VAT và chi phí vận chuyển	Điểm mỏ đối 2, xã Thanh Yên, tỉnh Điện Biên											387.714							
97	Cát trát (xoa) tự nhiên	m3	TCVN 9205:2012; QCVN 16:2023		Công ty TNHH Duyên Hùng tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm thuế VAT và chi phí vận chuyển	Điểm mỏ đối 2, xã Thanh Yên, tỉnh Điện Biên											340.428							
III. GẠCH XÂY DỰNG																									
	Gạch không nung																								
98	Gạch 2 lỗ rỗng	viên	TCVN 6477:2016; QCVN 16:2023/BXD	(220x105x65)mm	Công ty TNHH Minh Quý Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển	Xã Mường Ảng, tỉnh Điện Biên							1.395											
99	Gạch đặc	viên	TCVN 6477:2016; QCVN 16:2023/BXD	(220x105x65)mm M100	Công ty TNHH TM&DV Hoàng Anh	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển	Đ/c: Điểm mỏ Ka Hâu 2, xã Sam Mứn; ĐT: 0982.888.988						1.305												
100	Gạch rỗng 2 lỗ	viên	TCVN 6477:2016; QCVN 16:2023/BXD	(220 x105x65)mm M100	Công ty TNHH TM&DV Hoàng Anh	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển	Đ/c: Điểm mỏ Ka Hâu 2, xã Sam Mứn; ĐT: 0982.888.988						1.191												
101	Gạch rỗng 2 lỗ	viên	TCVN 6477:2016; QCVN 16:2023/BXD	(220 x150x65)mm M100	Công ty TNHH TM&DV Hoàng Anh	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển	Đ/c: Điểm mỏ Ka Hâu 2, xã Sam Mứn; ĐT: 0982.888.988						1.982												
102	Gạch rỗng 2 lỗ	viên	TCVN 6477:2016; QCVN 16:2023/BXD	(220 x105x65)mm M75	Công ty TNHH TM&DV Hoàng Anh	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển	Đ/c: Điểm mỏ Ka Hâu 2, xã Sam Mứn; ĐT: 0982.888.988						1.055												
103	Gạch rỗng 2 lỗ	viên	TCVN 6477:2016; QCVN 16:2023/BXD	(220 x 150 x 100)mm M75	Công ty TNHH TM&DV Hoàng Anh	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển	Đ/c: Điểm mỏ Ka Hâu 2, xã Sam Mứn; ĐT: 0982.888.988						1.736												
104	Gạch rỗng 2 lỗ	viên	TCVN 6477:2016; QCVN 16:2023/BXD	(220 x 105 x 65)mm	DNTN Toàn Hằng tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển	Đ/c: khối Sơn Thủy, xã Tuần Giáo, ĐT: 0947.590.536					1.145													
105	Gạch rỗng 2 lỗ	viên	TCVN 6477:2016; QCVN 16:2023/BXD	(220 x 105 x 65)mm	Công ty TNHH Đại Thắng	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển	Đ/c: Bàn Giáng, xã Tuần Giáo; ĐT: 0914.662.900					1.091													

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hy	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
106	Gạch rỗng 2 lỗ	viên	TCVN 6477:2016; QCVN 16:2023/BXD	d=20mm: (210 x100x60)mm	Công ty TNHH Đoàn Thảo tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển	Địa chỉ tại bản Hìn 2, xã Na Sang, ĐT: 0965.479.277									1.073									
107	Gạch đặc	viên	TCVN 6477:2016; QCVN 16:2023/BXD	(210x100x60) mm	Công ty TNHH Đoàn Thảo tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển	Địa chỉ tại bản Hìn 2, xã Na Sang, ĐT: 0965.479.277									1.191									
108	Gạch rỗng 2 lỗ	viên	TCVN 6477:2016	(220 x110x65)mm	Công ty TNHH Phong Linh	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển	Đ/c nơi sản xuất: bản Nà Hy 1, xã Nà Hy, ĐT: 0915.641.454															1.300			
109	Gạch rỗng 02 lỗ, M75	viên	TCVN 6477:2016; QCVN 16:2023/BXD	(220x105x60)mm	Công ty TNHH Tân Trường Phát tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, trên phương tiện vận chuyển bên mua; chưa có VAT chưa có chi phí vận chuyển đến chân công trình	Xã Thanh An, tỉnh Điện Biên									1.145									
110	Gạch đặc, M75	viên	TCVN 6477:2016; QCVN 16:2023/BXD	(210x100x620)mm	Công ty TNHH Tân Trường Phát tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, trên phương tiện vận chuyển bên mua; chưa có VAT chưa có chi phí vận chuyển đến chân công trình	Xã Thanh An, tỉnh Điện Biên									1.123									
IV. ĐÁ/GẠCH ỐP LÁT, NGÔI CÁC LOẠI																									
111	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá ghi sáng (trơn nhẵn)	m2		(150 x150) x 3cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	240.000																	
112	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá ghi sáng (trơn nhẵn)	m2		(200 x 200) x 3cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	240.000																	
113	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá ghi sáng (trơn nhẵn)	m3		(200 x 300) x 3cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	240.000																	
114	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá ghi sáng (trơn nhẵn)	m2		(300 x 300) x 3cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	255.455																	
115	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá ghi sáng (trơn nhẵn)	m2		(400 x 400) x 3cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	255.455																	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luôn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
116	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá ghi sáng (trơn nhẵn)	m2		(300 x 600) x 3cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	255.455																	
117	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá ghi sáng (trơn nhẵn)	m2		(150 x150) x 5cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	285.000																	
118	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá ghi sáng (trơn nhẵn)	m2		(200 x 200) x 5cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	285.000																	
119	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá ghi sáng (trơn nhẵn)	m2		(200 x 300) x 5cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	285.000																	
120	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá ghi sáng (trơn nhẵn)	m2		(300 x 300) x 5cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	333.636																	
121	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá ghi sáng (trơn nhẵn)	m2		(400 x 400) x 5cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	333.636																	
122	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá ghi sáng (trơn nhẵn)	m2		(300 x 600) x 5cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	334.545																	
123	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá ghi sáng (trơn nhẵn)	m2		(800 x 1200) x 5cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	677.727																	
124	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè- đá ghi sáng (nhám bề mặt)	m2		(150 x150) x 3cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	290.000																	
125	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè- đá ghi sáng (nhám bề mặt)	m2		(200 x 200) x 3cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	290.000																	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luôn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
126	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè- đá ghi sáng (nhám bề mặt)	m2		(200 x 300) x 3cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	290.000																	
127	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè- đá ghi sáng (nhám bề mặt)	m2		(300 x 300) x 3cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	300.000																	
128	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè- đá ghi sáng (nhám bề mặt)	m2		(400 x 400) x 3cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	300.000																	
129	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè- đá ghi sáng (nhám bề mặt)	m2		(300 x 600) x 3cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	300.000																	
130	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè- đá ghi sáng (nhám bề mặt)	m2		(150 x150) x 5cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	309.091																	
131	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè- đá ghi sáng (nhám bề mặt)	m2		(200 x 200) x 5cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	309.091																	
132	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè- đá ghi sáng (nhám bề mặt)	m2		(200 x 300) x 5cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	309.091																	
133	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè- đá ghi sáng (nhám bề mặt)	m2		(300 x 300) x 5cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	348.182																	
134	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè- đá ghi sáng (nhám bề mặt)	m2		(400 x 400) x 5cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	348.182																	
135	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè- đá ghi sáng (nhám bề mặt)	m2		(300 x 600) x 5cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	348.182																	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
136	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè- đá ghi sáng (nhám bề mặt)	m2		(800 x 1200) x 5cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	677.727																	
137	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá xanh đen	m2		(150 x150) x 3cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	280.000																	
138	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá xanh đen	m2		(200 x 200) x 3cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	280.000																	
139	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá xanh đen	m2		(200 x 300) x 3cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	309.091																	
140	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá xanh đen	m2		(300 x 300) x 3cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	319.091																	
141	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá xanh đen	m2		(400 x 400) x 3cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	323.636																	
142	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá xanh đen	m2		(300 x 600) x 3cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	329.091																	
143	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá xanh đen	m2		(150 x150) x 5cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	353.636																	
144	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá xanh đen	m2		(200 x 200) x 5cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	353.636																	
145	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá xanh đen	m2		(200 x 300) x 5cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	372.727																	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhé	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
146	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá xanh đen	m2		(300 x 300) x 5cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	392.727																	
147	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá xanh đen	m2		(400 x 400) x 5cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	412.273																	
148	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá xanh đen	m2		(300 x 600) x 5cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	421.818																	
149	Đá xẻ lát sân, vườn, vỉa hè - đá xanh đen	m2		(800 x 1200) x 5cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	701.818																	
150	Đá bó vỉa	viên		18*22*100 cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	327.727																	
151	Đá bó vỉa	viên		18*26*100 cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	372.727																	
152	Đá bó vỉa	viên		20*35*100 cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	485.909																	
153	Đá bó vỉa	viên		17*23*100 cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	318.636																	
154	Đá bó bồn cây	viên		20*20*100 cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	294.091																	
155	Đá bó bồn cây	viên		15*20*100 cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	220.455																	
156	Đá bó bồn cây	viên		15*15*100 cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	192.273																	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
157	Đá bó bồn cây	viên		20*20*60 cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	175.455																	
158	Đá bó bồn cây	viên		15*20*60 cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	155.455																	
159	Đá bó bồn cây	viên		15*15*60 cm	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG TVN	Giá tại phường Điện Biên Phủ, chưa có chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển, chưa có chi phí vận chuyển	Khu TĐC 1, phố 6, phường Điện Biên Phủ	125.909																	
	Gạch lát																								
160	Gạch lát	viên	TCVN 8264: 2009; TCVN 13113:2020	50x50cm				83.333	83.333											115.000					
161	Gạch lát	viên	TCVN 8264: 2009; TCVN 13113:2021	40x40 cm				78.704	78.704											85.000					
162	Gạch lát	viên	TCVN 8264: 2009; TCVN 13113:2022	30x30cm				111.111	111.111											115.000					
163	Gạch lát	viên	TCVN 8264: 2009; TCVN 13113:2023	60x60cm				115.741	115.741																
164	Gạch lát	viên	TCVN 8264: 2009; TCVN 13113:2024	30x60 cm																125.000					
165	Gạch lát	viên	TCVN 8264: 2009; TCVN 13113:2025	45x30 cm				87.963	87.963																
166	Gạch lát	viên	TCVN 8264: 2009; TCVN 13113:2026	25x25 cm				78.704	78.704																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuấn Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
167	Gạch men ốp lát	Hộp	TCVN 8264: 2009; TCVN 13113:2027	40x40 cm	Cửa hàng Tuấn Dung		Bản Mới 1, Xã Mường chà																	83.333	
168	Gạch men ốp lát	Hộp	TCVN 8264: 2009; TCVN 13113:2028	50x50cm	Cửa hàng Tuấn Dung		Bản Mới 1, Xã Mường chà																	101.852	
169	Gạch men ốp lát	Hộp	TCVN 8264: 2009; TCVN 13113:2029	30x60 cm	Cửa hàng Tuấn Dung		Bản Mới 1, Xã Mường chà																	134.259	
170	Gạch men ốp lát	Hộp	TCVN 8264: 2009; TCVN 13113:2030	30x30cm	Cửa hàng Tuấn Dung		Bản Mới 1, Xã Mường chà																	101.852	
171	Gạch ốp	Hộp	TCVN 8264: 2009; TCVN 13113:2031	40x40 cm	Cty TNHH Thân Nga		Xã Thanh An, tỉnh Điện Biên										75.000								
172	Gạch ốp	Hộp	TCVN 8264: 2009; TCVN 13113:2032	60x60 cm	Cty TNHH Thân Nga		Xã Thanh An, tỉnh Điện Biên										90.000								
173	Gạch lát	m2	QCVN 16:2023/BXD; ISO 9001:2015	600x600 Granite men matt loại 1	Cty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, Số nhà 25A, Tổ 7, P. Mường Thanh		GẠCH LÁT NỀN VITTO NHÓM Bìa		200.516																
174	Gạch lát	m2	QCVN 16:2023/BXD; ISO 9001:2015	600x600mm,Granite mài bóng loại 1	Cty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, Số nhà 25A, Tổ 7, P. Mường Thanh		GẠCH LÁT NỀN VITTO NHÓM Bìa		231.476																
175	Gạch lát	m2	QCVN 16:2023/BXD; ISO 9001:2015	800x800mm mài bóng loại 1	Cty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, Số nhà 25A, Tổ 7, P. Mường Thanh		GẠCH LÁT NỀN VITTO NHÓM Bìa		307.344																
176	Gạch lát	m2	QCVN 16:2023/BXD; ISO 9001:2015	600x900mm mài bóng loại 1	Cty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, Số nhà 25A, Tổ 7, P. Mường Thanh		GẠCH LÁT NỀN VITTO NHÓM Bìa		403.004																
177	Gạch lát	m2	QCVN 16:2023/BXD; ISO 9001:2015	600x1200mm mài bóng loại 1	Cty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, Số nhà 25A, Tổ 7, P. Mường Thanh		GẠCH LÁT NỀN VITTO NHÓM Bìa		535.524																
178	Gạch ốp	m2	QCVN 16:2023/BXD; ISO 9001:2015	300x600mm viên đậm, nhạt	Cty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, Số nhà 25A, Tổ 7, P. Mường Thanh		Gạch ốp Ceramic nhãn hiệu TBGRES, FOSILI		153.636																
179	Gạch ốp	m2	QCVN 16:2023/BXD; ISO 9001:2015	300x600mm viên viên, đậm	Cty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, Số nhà 25A, Tổ 7, P. Mường Thanh		Gạch ốp Ceramic nhãn hiệu TBGRES, FOSILI		171.818																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
180	Gạch ốp	m2	QCVN 16:2023/BXD; ISO 9001:2015	400x800mm viên đậm, nhạt	Cty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, Số nhà 25A, Tổ 7, P. Mường Thanh		Gạch ốp Ceramic nhãn hiệu TBGRES, FOSILI		214.545																
181	Gạch ốp	m2	QCVN 16:2023/BXD; ISO 9001:2015	400x800mm viên viên, điểm	Cty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, Số nhà 25A, Tổ 7, P. Mường Thanh		Gạch ốp Ceramic nhãn hiệu TBGRES, FOSILI		232.273																
182	Gạch ốp	m2	QCVN 16:2023/BXD; ISO 9001:2015	300x600mm	Cty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, Số nhà 25A, Tổ 7, P. Mường Thanh		Gạch ốp, lát Granite kỹ thuật số nhãn hiệu GRANY LITE		314.545											125.000					
183	Gạch ốp	m2	QCVN 16:2023/BXD; ISO 9001:2015	400x800mm	Cty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, Số nhà 25A, Tổ 7, P. Mường Thanh		Gạch ốp, lát Granite kỹ thuật số nhãn hiệu GRANY LITE		398.182																
184	Gạch ốp	m2	QCVN 16:2023/BXD; ISO 9001:2015	600x600mm	Cty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, Số nhà 25A, Tổ 7, P. Mường Thanh		Gạch ốp, lát Granite kỹ thuật số nhãn hiệu GRANY LITE		314.545																
185	Gạch ốp	m2	QCVN 16:2023/BXD; ISO 9001:2015	800x800mm	Cty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, Số nhà 25A, Tổ 7, P. Mường Thanh		Gạch ốp, lát Granite kỹ thuật số nhãn hiệu GRANY LITE		398.182																
186	Gạch ốp	m2	QCVN 16:2023/BXD; ISO 9001:2015	600x1200mm	Cty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, Số nhà 25A, Tổ 7, P. Mường Thanh		Gạch ốp, lát Granite kỹ thuật số nhãn hiệu GRANY LITE		464.545																
187	Gạch ốp	m2	QCVN 16:2023/BXD; ISO 9001:2015	300x600mm	Cty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, Số nhà 25A, Tổ 7, P. Mường Thanh		Gạch ốp, lát Granite kỹ thuật số nhãn hiệu TBGRES, FOSILI		235.000																
188	Gạch ốp	m2	QCVN 16:2023/BXD; ISO 9001:2015	400x800mm	Cty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, Số nhà 25A, Tổ 7, P. Mường Thanh		Gạch ốp, lát Granite kỹ thuật số nhãn hiệu TBGRES, FOSILI		327.727																
189	Gạch ốp	m2	QCVN 16:2023/BXD; ISO 9001:2015	600x600mm	Cty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, Số nhà 25A, Tổ 7, P. Mường Thanh		Gạch ốp, lát Granite kỹ thuật số nhãn hiệu TBGRES, FOSILI		252.727																
190	Gạch ốp	m2	QCVN 16:2023/BXD; ISO 9001:2015	800x800mm	Cty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, Số nhà 25A, Tổ 7, P. Mường Thanh		Gạch ốp, lát Granite kỹ thuật số nhãn hiệu TBGRES, FOSILI		327.727																
191	Gạch lát Terazo	m2	TCVN 7744:2013	(400 x 400 x 30)mm	Công ty TNHH Đoàn Thảo tỉnh Điện Biên	Bản Hin 2, xã Na Sang, huyện Mường Chà	Gạch lát Terazo																	97.272	
192	Ngói đất nung loại A (Hạ Long)	viên	TCVN 1452:2023					11.574	11.574												11.111				
193	Ngói bò đất nung loại A (Hạ Long)	viên	TCVN 1452:2023					27.778	27.778												27.778				

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
194	Ngói đất nung loại A	viên	TCVN 1452:2023																				3.241		
195	Ngói bò đất nung loại A	viên	TCVN 1452:2023																				4.167		
196	Gạch vibracera - granite lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 80x80 ts812	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			254.545	254.545																
197	Gạch vibracera - granite lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 80x80 ts817; TS815	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			254.545	254.545																
198	Gạch vibracera - granite lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 60x60 ts669	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			218.182	218.182																
199	Gạch vibracera - granite lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 60x60 ts600	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			218.182	218.182																
200	Gạch vibracera - granite lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 60x60 ts 615	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			204.545	204.545																
201	Gạch vibracera - granite lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 60x60 ts5.601	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			163.636	163.636																
202	Gạch vibracera - granite lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 60x60 ts5.602	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			163.636	163.636																
203	Gạch vibracera - granite lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 60x60 ts617	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			218.182	218.182																
204	Gạch vibracera - granite lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 60x60 ts636	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			222.727	222.727																
205	Gạch vibracera - granite lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 60x60 ts624	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			222.727	222.727																
206	Gạch vibracera - granite lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 60x60 ts614	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			222.727	222.727																
207	Gạch vibracera - granite lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 60x60 eco 625	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			209.091	209.091																
208	Gạch vibracera - granite lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 60x60 eco626	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			209.091	209.091																
209	Gạch vibracera - granite lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 60x60 eco603	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			209.091	209.091																
210	Gạch vibracera - granite lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 60x60 eco621	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			209.091	209.091																
211	Gạch vibracera - granite lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 60x60 ecos603	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			190.909	190.909																
212	Gạch vibracera - granite lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 60x60 eco601	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			190.909	190.909																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
213	Gạch vibracera - granite lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 60x60 ub6601	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			190.909	190.909																
214	Gạch vibracera - granite lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 60x60 ub6602	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			190.909	190.909																
215	Gạch vibracera - granite lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 60x60 ub6604	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			190.909	190.909																
216	Gạch vibracera - granite lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 60x60 ub6610	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			190.909	190.909																
217	Gạch vibracera - granite lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 60x60 kt611	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			145.455	145.455																
218	Gạch vibracera - granite lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 60x60 kt601	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			145.455	145.455																
219	Gạch vibracera - granite lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 60x60 kt605	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			145.455	145.455																
220	Gạch lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 40x40 hạ long đỏ	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			86.364	86.364																
221	Gạch lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 40x40 đất việt	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			81.818	81.818																
222	Gạch lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 40x40 đỏ viglacera	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			81.818	81.818																
223	Gạch vibracera lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 50x50	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			72.727	72.727																
224	Gạch vibracera lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 40x40 (m405/m428)	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			81.818	81.818																
225	Gạch vibracera lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 40x40 435 cò	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			104.545	104.545																
226	Gạch vibracera lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 40x40 453	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			104.545	104.545																
227	Gạch vibracera lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 40x40 480	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			104.545	104.545																
228	Gạch vibracera lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 40x40 490	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			90.909	90.909																
229	Gạch vibracera lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 40x40 434	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			104.545	104.545																
230	Gạch vibracera lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 40x40 445	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			104.545	104.545																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luán	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
231	Gạch vigracera lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 40x40 488	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			104.545	104.545																
232	Gạch vigracera lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 40x40 495	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			104.545	104.545																
233	Gạch vigracera lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 40x40 443	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			104.545	104.545																
234	Gạch vigracera lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 40x40 455	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			86.364	86.364																
235	Gạch vigracera lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 30x30 n317	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			104.545	104.545																
236	Gạch vigracera lát	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 30x30 nền sỏi	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			81.818	81.818																
237	Gạch vigracera ốp	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 30x45(4504/4500)	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			86.364	86.364																
238	Gạch vigracera ốp	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 30x45(4563/4564/diềm)	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			109.091	109.091																
239	Gạch vigracera ốp	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 30x60 3630	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			122.727	122.727																
240	Gạch vigracera ốp	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 30x60 kt3601/3602	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			145.455	145.455																
241	Gạch vigracera ốp	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 30x60 ub3601/3602A/3602	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			145.455	145.455																
242	Gạch vigracera ốp	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 30x60 ub3603/3604A/3604	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			122.727	122.727																
243	Gạch vigracera ốp	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 30x60 f3631/3632A/3632	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			122.727	122.727																
244	Gạch vigracera ốp	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 30x60 f3633/3634A/3634	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			122.727	122.727																
245	Gạch vigracera ốp	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 30x60 3693/3694A/3694	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			172.727	172.727																
246	Gạch vigracera ốp	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 30x60 bs 3615/3616	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			172.727	172.727																
247	Gạch vigracera ốp	m2	TCVN 6415:1998	Kích thước 30x60 bs 3615/3616	Công ty cổ phần Vigracera - Granit			172.727	172.727																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhé	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
248	Gạch ốp Ceramic men bóng	m2	TCVN 13113: 2020 BS EN 14411:2016	25x40 cm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		156.364																
249	Gạch lát Ceramic men bóng	m2	TCVN 13113: 2020 BS EN 14411:2016	30x30 cm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		177.319																
250	Gạch lát Ceramic men mờ	m2	TCVN 13113: 2020 BS EN 14411:2016	30x30 cm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		210.009																
251	Gạch lát Ceramic men bóng	m2	TCVN 13113: 2020 BS EN 14411:2016	40x40 cm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		157.481																
252	Gạch lát Ceramic men mờ	m2	TCVN 13113: 2020 BS EN 14411:2016	40x40 cm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		196.213																
253	Gạch ốp Ceramic men bóng	m2	TCVN 13113: 2020 BS EN 14411:2016	40x80 cm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		295.313																
254	Gạch ốp Ceramic men bóng	m2	TCVN 13113: 2020 BS EN 14411:2016	30x60 cm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		244.444																
255	Gạch ốp/ lát Porcelain men mờ	m2	TCVN 13113: 2020 BS EN 14411:2016	30x60 cm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		250.000																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sính Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
256	Gạch lát Porcelain men mờ	m2	TCVN 13113: 2020 BS EN 14411:2016	60x60 cm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		220.013			162.963													
257	Gạch lát Porcelain men mờ	m2	TCVN 13113: 2020 BS EN 14411:2016	80x80 cm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		314.063																
258	Gạch lát Porcelain mài bóng	m2	TCVN 13113: 2020 BS EN 14411:2016	60x120 cm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		666.667																
259	Gạch lát Porcelain mài bóng	m2	TCVN 13113: 2020 BS EN 14411:2016	60x60 cm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		220.013																
260	Ngói lợp trắng men	Viên	TCVN 9133:2011	300x405mm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		25.471																
261	Ngói rìa	Viên	TCVN 9133:2011	186x320x82,5 mm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		37.545																
262	Ngói cuối rìa	Viên	TCVN 9133:2011	78,5x184x12 mm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		62.545																
263	Ngói nóc có gờ	Viên	TCVN 9133:2011	210x300x86 mm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		36.364																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
264	Ngóc chạc ba	Viên	TCVN 9133:2011	390x395x12 mm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		86.364																
265	Ngói chạc tư	Viên	TCVN 9133:2011	390x390x120 mm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		104.545																
266	Ngóc chạc chữ T	Viên	TCVN 9133:2011	280x340x86 mm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		86.364																
267	Ngói chặn cuối nóc	Viên	TCVN 9133:2011	176x200x12mm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		27.273																
268	Ngói chặn cuối rìa	Viên	TCVN 9133:2011	78,5x184x12 mm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		25.000																
269	Gạch ốp lát Prime tiptop	m2	TCVN 9133:2011	40x40 cm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400	78.704	78.704										85.000		70.370				
270	Gạch ốp lát Prime tiptop	m2	TCVN 9133:2011	50x50 cm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400	83.333	83.333												86.111				

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
271	Gạch ốp lát Prime tiptop	m2	TCVN 9133:2011	60x60 cm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400	115.741	115.741												94.445				
272	Gạch ốp lát Prime tiptop	m2	TCVN 9133:2011	45x30 cm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400	87.963	87.963																
273	Gạch ốp lát chống trơn Prime tiptop	m2	TCVN 9133:2011	25x25 cm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400	78.704	78.704																
274	Gạch ốp lát chống trơn Prime tiptop	m2	TCVN 9133:2011	30x30 cm	Công ty TNHH MTV thương mại Đồng Tâm		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400	111.111	111.111												-				
275	Gạch ốp lát Bán sứ in KTS, dòng sản phẩm trang trí men bóng hiệu ứng Fill 150x150mm- Nhóm B1b	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 06 viên = 0.14m2)	Công ty cổ phần Prime Yên Bình		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		453.725																
276	Gạch ốp lát Bán sứ in KTS, không mài cạnh, dòng sản phẩm ốp lát thanh dạng gỗ, men Matt, hiệu ứng Relief và Sugar 200x1000 mm- Nhóm B1b	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 11 viên = 0.99m2)	Công ty cổ phần Prime Yên Bình		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		229.632																
277	Gạch ốp lát Bán sứ in KTS, dòng sản phẩm trang trí men matt, hiệu ứng Glugrit 200x200mm- Nhóm B1b	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp =6 viên = 0.24m2)	Công ty cổ phần Prime Yên Bình		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		277.763																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuấn Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhé	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luôn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
278	Gạch ốp lát Bán sứ in KTS, men matt, mài cạnh 150x800mm- Nhóm B1b	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 08 viên = 0.96m2)	Công ty cổ phần Prime Yên Bình		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		215.000																
279	Gạch ốp lát Bán sứ in KTS, men matt, mài cạnh 150x900mm- Nhóm B1b	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 08 viên = 1.08m2)	Công ty cổ phần Prime Yên Bình		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		214.815																
280	Gạch ốp lát Bán sứ in KTS, khuôn mài cạnh men matt. 300x300mm- Nhóm B1b	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 11 viên = 0.99m2)	Công ty cổ phần Prime Yên Bình		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		125.000																
281	Gạch ốp lát Gạch Ceramic in KTS, đồng sản phẩm trang trí men matt, hiệu ứng Glugrit 250x250mm- Nhóm B1b	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp =6 viên = 0.24m2)	Công ty cổ phần Prime Yên Bình		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		93.048																
282	Gạch ốp Ceramic in KTS không mài cạnh, men Matt. 120x600mm- Nhóm B1b	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 08 viên = 0.96m2)	Công ty cổ phần Prime Yên Bình		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		150.000																
283	Gạch lát Ceramic in KTS khuôn mài cạnh, men Matt, hiệu ứng Glugrit 400x400mm- Nhóm B1b	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 6 viên = 0.96m2)	Công ty cổ phần Prime Yên Bình		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		129.441																
284	Gạch lát Ceramic in KTS khuôn mài cạnh, men Matt, hiệu ứng Glugrit 400x800mm- Nhóm B1b	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 6 viên = 0.96m2)	Công ty cổ phần Prime Yên Bình		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		162.220																
285	Gạch lát Ceramic in KTS, mài cạnh men matt. Hiệu ứng Sugar mịn 300x300mm- Nhóm B1II	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 11 viên = 0.99m2)	Công ty cổ phần Prime Đại việt		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		136.000																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuấn Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhé	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luôn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
286	Gạch ốp Ceramic in KTS, mài cạnh 300x600mm- Nhóm BIII	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 8 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Đại việt		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		152.528																
287	Gạch ốp Ceramic in KTS, Men bóng 500x860mm- Nhóm BIII	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 4 viên = 1.08m2)	Công ty cổ phần Prime Đại việt		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		134.660																
288	Gạch ốp Ceramic in KTS, Men bóng 250x400mm- Nhóm BIII	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 4 viên = 1.08m2)	Công ty cổ phần Prime Đại việt		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		95.200																
289	Gạch lát Ceramic in KTS, mài cạnh men bóng. Hiệu ứng Sinking 300x450mm- Nhóm BIII	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 11 viên = 0.99m2)	Công ty cổ phần Prime Đại việt		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		117.867																
290	Gạch lát sàn nước Ceramic in KTS mài cạnh, men Matt. 400x400mm- Nhóm BIII	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 6 viên = 0.96m2)	Công ty cổ phần Prime Đại việt		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		162.188																
291	Gạch ốp Ceramic in KTS mài cạnh. 400x800mm- Nhóm BIII	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 4 viên = 1.28m2)	Công ty cổ phần Prime Đại việt		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		185.006																
292	Gạch Ceramic in KTS, dòng sản phẩm trang trí, hiệu ứng Sugar, Structured. 200x400mm- Nhóm BIII	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 12 viên = 0.96m2)	Công ty cổ phần Prime Vĩnh Phúc		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		127.500																
293	Gạch lát Ceramic in KTS 400x400mm- Nhóm BIIIb	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 6 viên = 0.96m2)	Công ty cổ phần Prime Vĩnh Phúc		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		113.688																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhé	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luôn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
294	Gạch lát Ceramic in thường 400x400mm- Nhóm BIIb	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 6 viên = 0.96m2)	Công ty cổ phần Prime Vĩnh Phúc		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		93.330																
295	Gạch lát Ceramic in thường 500x500mm- Nhóm BIIb	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 4 viên = 1m2)	Công ty cổ phần Prime Vĩnh Phúc		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		104.040																
296	Gạch lát Ceramic in KTS 500x500mm- Nhóm BIIb	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 4 viên = 1m2)	Công ty cổ phần Prime Vĩnh Phúc		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		116.940																
297	Gạch lát Bán sứ in KTS 600x600mm- Nhóm BIIb	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 4 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Vĩnh Phúc		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		140.833																
298	Gạch lát Ceramic in KTS 600x600mm- Nhóm BIIb	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 4 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Vĩnh Phúc		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		111.111																
299	Gạch ốp lát bán sứ in KTS 300x600mm- Nhóm BIIb	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 8 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Phố Yên		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		149.534																
300	Gạch lát bán sứ in KTS 600x600mm- Nhóm BIIb	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 4 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Phố Yên		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		159.611																
301	Gạch Ceramic in KTS 400x600mm- Nhóm BIIb	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 4 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Phố Yên		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		134.667																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuấn Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhé	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luôn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
302	Gạch lát bán sứ in KTS 400x800mm- Nhóm B1b	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 4 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Phố Yên		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		173.035																
303	Gạch bán sứ in KTS 500x500mm- Nhóm B1b	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 4 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Phố Yên		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		149.779																
304	Gạch Ceramic in KTS 500x800mm- Nhóm B1b	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 4 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Phố Yên		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		139.112																
305	Gạch Cotto 400x400mm- nhóm B1b	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp 6 viên= 0.96M2)	Công ty cổ phần Prime Phố Yên		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		100.170																
306	Gạch Cotto 500x500mm- Nhóm B1b	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp 4 viên= 1M2)	Công ty cổ phần Prime Phố Yên		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		113.832																
307	Gạch Porcelain in KTS Men matt, hiệu ứng Structured 150x900mm- Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 08 viên = 1.08m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		265.333																
308	Gạch Porcelain in KTS Men matt. 200x1200mm- Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 06 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		315.000																
309	Gạch Porcelain in KTS 300x600mm- Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 8 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		203.000																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
310	Gạch Porcelain in KTS, hiệu ứng 300x600mm- Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 8 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		233.000																
311	Gạch Bán sứ in KTS 75x300 (mm)-Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 08 viên = 1.08m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		350.000																
312	Gạch Porcelain in KTS, xương mỏng 8.5mm 600x600mm- Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 4 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		177.778																
313	Gạch Porcelain in KTS, hiệu ứng Carving gold 600x600mm- Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 4 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		233.335																
314	Gạch Porcelain in KTS, hiệu ứng Ion âm 600x600mm- Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 4 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		220.372																
315	Gạch Porcelain in KTS, Kim sa 600x600mm- Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 4 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		220.372																
316	Gạch Porcelain in KTS, Nano Polised - Hygienic Ag+ 600x600mm- Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 4 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		220.372																
317	Gạch Porcelain in KTS, Anti-slip/ Chống trơn 600x600mm- Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 4 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		259.261																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuấn Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luôn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
318	Gạch Granite in KTS 600x600mm- Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 4 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		200.000																
319	Gạch Porcelain in KTS 600x900mm- Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 3 viên = 1.62m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		249.000																
320	Gạch Porcelain in KTS, xương móng 9.5mm 800x800mm- Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 3 viên = 1.92m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		263.889																
321	Gạch Porcelain in KTS 800x800mm- Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 3 viên = 1.92m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		305.556																
322	Gạch Porcelain in KTS, hiệu ứng Carving gold 800x800mm- Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 3 viên = 1.92m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		333.703																
323	Gạch Porcelain in KTS, xương móng 9.5mm hiệu ứng Ion âm 800x800mm- Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 3 viên = 1.92m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		277.778																
324	Gạch Porcelain in KTS, Kim sa 800x800mm- Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 3 viên = 1.92m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		333.703																
325	Gạch Granite in KTS 800x800mm- Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 3 viên = 1.92m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		347.223																
326	Gạch Bán sứ in KTS, xương móng 9.5mm bề mặt bóng, matt 800x800 (mm)- Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 3 viên = 1.92m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		282.871																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
327	Gạch Porcelain in KTS, xương móng 9.5mm 600x1200mm- Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 2 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		450.566																
328	Gạch Porcelain in KTS, dòng sản phẩm Nano Polised - Hygienic Ag+ 600x1200mm- Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 2 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		532.000																
329	Gạch Porcelain in KTS 1000x1000mm- Hiệu ứng Carving Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 02 viên = 2m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		633.333																
330	Gạch Bán sứ in KTS 1000x1000mm- Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 02 viên = 2m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		449.445																
331	Gạch Porcelain in KTS 1200x1200mm- Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 02 viên = 2m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		729.167																
332	Gạch Porcelain in KTS 800x1600mm- Nhóm B1a	m2	QCVN 16:2023/BXD,	(Hộp = 02 viên = 2m2)	Công ty cổ phần Prime Tiên Phong		Nhà PP: Công ty TNHH Mạnh Huyền Điện Biên, số nhà 25A, tổ dân phố 7, phường Mường Thanh; 093 4554400		733.866																
333	Gạch ốp lát Prime Tiptop	m2			80x80 cm																179.629				
334	Gạch ốp lát chống trơn Prime Tiptop	m2			30x30 cm																106.481				
335	Gạch ốp lát chống trơn Prime Tiptop	m2			40x40 cm																144.445				
336	Gạch ốp lát Ceramic nhôm BIII	m2	BS EN 14411:2016, m2□ BS EN 14411:2016, ISO 13006:2018	300X300mm	Công ty TNHH Hoàn Mỹ		Nhà PP: Công ty TNHH Xuân Đường Điện Biên, SN 75, tổ 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên.ĐT 0973.699.991		198.000																
337	Gạch ốp lát Ceramic nhôm BIII	m2	BS EN 14411:2016, m2□ BS EN 14411:2016, ISO 13006:2018	300X600mm	Công ty TNHH Hoàn Mỹ		Nhà PP: Công ty TNHH Xuân Đường Điện Biên, SN 75, tổ 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên.ĐT 0973.699.991		207.000																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhé	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
338	Gạch ốp lát Ceramic nhóm BIII	m2	BS EN 14411:2016, m2□ BS EN 14411:2016, ISO 13006:2018	400X400mm	Công ty TNHH Hoàn Mỹ		Nhà PP: Công ty TNHH Xuân Đường Điện Biên. SN 75, tổ 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên.ĐT 0973.699.991		215.000																
339	Gạch ốp lát Ceramic nhóm BIII	m2	BS EN 14411:2016, m2□ BS EN 14411:2016, ISO 13006:2018	600X600mm	Công ty TNHH Hoàn Mỹ		Nhà PP: Công ty TNHH Xuân Đường Điện Biên. SN 75, tổ 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên.ĐT 0973.699.991		235.000																
340	Gạch ốp lát Porcelain nhóm Bia	m2	BS EN 14411:2016, m2□ BS EN 14411:2016, ISO 13006:2018	300X600mm	Công ty TNHH Hoàn Mỹ		Nhà PP: Công ty TNHH Xuân Đường Điện Biên. SN 75, tổ 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên.ĐT 0973.699.991		285.000																
341	Gạch ốp lát Gạch Porcelain nhóm Bia	m2	BS EN 14411:2016, m2□ BS EN 14411:2016, ISO 13006:2018	600X600mm	Công ty TNHH Hoàn Mỹ		Nhà PP: Công ty TNHH Xuân Đường Điện Biên. SN 75, tổ 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên.ĐT 0973.699.991		298.000																
342	Gạch ốp lát Porcelain nhóm Bia	m2	BS EN 14411:2016, m2□ BS EN 14411:2016, ISO 13006:2018	800X800mm	Công ty TNHH Hoàn Mỹ		Nhà PP: Công ty TNHH Xuân Đường Điện Biên. SN 75, tổ 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên.ĐT 0973.699.991		320.000																
343	Gạch ốp lát Porcelain nhóm Bia	m2	BS EN 14411:2016, m2□ BS EN 14411:2016, ISO 13006:2018	1200X600mm	Công ty TNHH Hoàn Mỹ		Nhà PP: Công ty TNHH Xuân Đường Điện Biên. SN 75, tổ 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên.ĐT 0973.699.991		370.000																
344	Gạch ốp lát Porcelain nhóm Bia	m2	BS EN 14411:2016, m2□ BS EN 14411:2016, ISO 13006:2018	1000X1000mm	Công ty TNHH Hoàn Mỹ		Nhà PP: Công ty TNHH Xuân Đường Điện Biên. SN 75, tổ 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên.ĐT 0973.699.991		390.000																
	GẠCH CERAMIC FLOOR TILES - ĐÓNG TẤM																								
345	Gạch men lát nền loại A/A PRICE/A (40x40)	m2					Doanh nghiệp TMTN Thịnh Thủy, xã Tuần Giáo.ĐT: 0868237036					106.944													
346	Gạch men lát nền loại A/A PRICE/A (50x50)	m2					Doanh nghiệp TMTN Thịnh Thủy, xã Tuần Giáo.ĐT: 0868237036					129.630													

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhé	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
347	Gạch men lát nền loại A/A PRICE/A (60x60)	m2					Doanh nghiệp TMTN Thịnh Thủy, xã Tuần Giáo.ĐT: 0868237036					162.963													
348	Gạch lát chống trơn 30x30	m2					Doanh nghiệp TMTN Thịnh Thủy, xã Tuần Giáo.ĐT: 0868237036					97.222													
349	Gạch ốp tường KT: 25x40	m2					Doanh nghiệp TMTN Thịnh Thủy, xã Tuần Giáo.ĐT: 0868237036					97.222													
350	Gạch ốp tường KT: 30x45	m2					Doanh nghiệp TMTN Thịnh Thủy, xã Tuần Giáo.ĐT: 0868237036					115.741													
351	Gạch ốp tường KT: 30x60	m2					Doanh nghiệp TMTN Thịnh Thủy, xã Tuần Giáo.ĐT: 0868237036					125.000													
352	Gạch đỏ lát nền	m2		40x40 cm			Doanh nghiệp TMTN Thịnh Thủy, xã Tuần Giáo.ĐT: 0868237036					97.222					-			85.000		92.593			
353	Gạch ốp lát	hộp		50x50cm													-			115.000		111.111			
354	Gạch ốp lát	hộp		30x60cm																125.000		111.111			
355	Gạch ốp lát	hộp		30x30cm																115.000		111.111			
356	Gạch ốp lát	hộp		30x45cm																		92.593			
	V. THÉP XÂY DỰNG																								
357	Thép cuộn phi 6, phi 8	kg	TCVN 1651 – 1:2008	Φ6, Φ8	Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên (TISCO)			16.294	16.294	16.000									15.000	17.500	-				
358	Thép cây vằn phi 10, CT 5, SD295A, L=11,7m	kg	TCVN 1651- 2:2008;JIS G3112:2010	Φ10	Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên (TISCO)			16.349	16.349	16.064									15.273	17.500					
359	Thép cây vằn phi 12, CT 5, SD295A, L=11,7m	kg	TCVN 1651- 2:2008;JIS G3112:2010	Φ12	Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên (TISCO)			16.569	16.569	15.136									15.273	17.500	-				
360	Thép cây vằn phi 14 - 40, CT 5, SD295A, L=11,7m	kg	TCVN 1651- 2:2008;JIS G3112:2010	Φ14- Φ40	Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên (TISCO)			16.514	16.514	15.136									15.273	17.500	-				
361	Thép hình U, L dập thép đen	kg	TCVN 1651- 2:2008;JIS G3112:2010		Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên (TISCO)			17.188	17.188			18.091					15.909			19.000			15.909		
362	Thép hình V, I thép đen	kg	TCVN 1655 - 75		Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên (TISCO)			17.009	17.009			18.091					15.909			19.000			-		
363	Thép hộp mã kèm	kg	TCVN 1651- 2:2008; JIS G3112:2010		Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên (TISCO)			16.818	16.818	20.591		19.909										16.163	-		

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
364	Thép hộp đen	kg	TCVN 1651-1:2018		Thép Hòa Phát					20.136															
365	Thép cuộn phi 6, phi 8	kg	TCVN 1651-1:2018	Φ6, Φ8	Thép Hòa Phát			14.823	14.823	16.000		15.000					15.454					14.263	14.545	17.273	
366	Thép cây phi 10 (Gr40/CB300)	kg	TCVN 1651-2:2018	Φ10	Thép Hòa Phát			15.233	15.233	16.000		15.227					15.909					14.163	14.545	17.273	
367	Thép cây phi 12 (Gr40/CB300)	kg	TCVN 1651-2:2018	Φ12	Thép Hòa Phát			15.023	15.023	15.909		15.227					15.909				15.087	14.063	15.454	17.273	
368	Thép thanh vằn Φ14-Φ40 (Gr40/CB300)	kg	TCVN 1651-2:2018	Φ14- Φ40	Thép Hòa Phát			15.023	15.023	15.909		15.227					15.909				15.087	14.063	15.454	17.273	
369	Thép cây vằn phi Φ16- Φ40	kg	TCVN 1651-2:2018	Φ14- Φ40	Thép Hòa Phát			15.023	15.023								15.909								
370	Thép cây vằn phi Φ18- Φ40	kg	TCVN 1651-2:2018	Φ18- Φ40	Thép Hòa Phát			15.023	15.023								15.909								
371	Thép cây vằn phi Φ20- Φ40	kg	TCVN 1651-2:2018	Φ20- Φ40	Thép Hòa Phát			15.023	15.023								15.909								
372	lưới B40+ gai thép hình, thép tấm các loại	kg	TCVN 1651-2:2018		Thép Hòa Phát			15.023	15.023																
373	Thép cuộn Φ6+Φ8	kg	TCVN 1651-1:2018	Φ6, Φ8	Thép Việt Đức			14.513	14.513																
374	Thép thanh vằn Φ10 SD295A/CB300	kg	TCVN 1651-2:2018	Φ10	Thép Việt Đức			14.713	14.713																
375	Thép thanh vằn Φ12 SD295A/CB300	kg	TCVN 1651-2:2018	Φ12	Thép Việt Đức			14.513	14.513																
376	Thép thanh vằn Φ14 SD295A/CB300	kg	TCVN 1651-2:2018	Φ14	Thép Việt Đức			14.513	14.513																
377	Thép thanh vằn Φ18 - Φ22 SD295A/CB300	kg	TCVN 1651-2:2018	Φ18- Φ22	Thép Việt Đức			14.513	14.513																
378	Thép cuộn Φ6 - Φ8 (CB 240T), TCVN 1651-1:2008	kg	TCVN 1651-1:2018	Φ6- Φ8	Cty CP tập đoàn VAS Nghi Sơn		Công ty TNHH Thương mại Đạt Huy Điện Biên. SN 37, TDP 5, P.Mường Thanh - T. Điện Biên		14.559																
379	Thép cuộn Φ8 (CB 300V), TCVN 1651-1:2008	kg	TCVN 1651-1:2018	Φ8	Cty CP tập đoàn VAS Nghi Sơn		Công ty TNHH Thương mại Đạt Huy Điện Biên. SN 37, TDP 5, P.Mường Thanh - T. Điện Biên		14.659														-		
380	Thép thanh vằn Φ10 (Gr40), TCVN 1651-1:2008, ASTM A615/A615M-20	kg	TCVN 1651-2:2018; ASTM A615/A615M-20	Φ10	Cty CP tập đoàn VAS Nghi Sơn		Công ty TNHH Thương mại Đạt Huy Điện Biên. SN 37, TDP 5, P.Mường Thanh - T. Điện Biên		14.679														-		
381	Thép thanh vằn Φ12 (CB300V), TCVN 1651-1:2008, ASTM A615/A615M-20	kg	TCVN 1651-2:2018; ASTM A615/A615M-20	Φ12	Cty CP tập đoàn VAS Nghi Sơn		Công ty TNHH Thương mại Đạt Huy Điện Biên. SN 37, TDP 5, P.Mường Thanh - T. Điện Biên		14.479																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luân	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
382	Thép thanh vằn Φ14 - Φ20 (CB300V/Gr40), TCVN 1651-1:2008, ASTM A615/A615M-20	kg	TCVN 1651-2:2018; ASTM A615/A615M-20	Φ14- Φ20	Cty CP tập đoàn VAS Nghi Sơn		Công ty TNHH Thương mại Đạt Huy Điện Biên. SN 37, TDP 5, P.Mường Thanh - T. Điện Biên		14.479																
383	Thép thanh vằn Φ10 (CB400V/CB500), TCVN 1651-1:2008, ASTM A615/A615M-20	kg	TCVN 1651-2:2018; ASTM A615/A615M-20	Φ10	Cty CP tập đoàn VAS Nghi Sơn		Công ty TNHH Thương mại Đạt Huy Điện Biên. SN 37, TDP 5, P.Mường Thanh - T. Điện Biên		15.009														-		
384	Thép thanh vằn Φ12 (CB400V/CB500), TCVN 1651-1:2008, ASTM A615/A615M-20	kg	TCVN 1651-2:2018; ASTM A615/A615M-20	Φ12	Cty CP tập đoàn VAS Nghi Sơn		Công ty TNHH Thương mại Đạt Huy Điện Biên. SN 37, TDP 5, P.Mường Thanh - T. Điện Biên		14.809														-		
385	Thép thanh vằn Φ14 - Φ32 (CB400V/CB500), TCVN 1651-1:2008, ASTM A615/A615M-20	kg	TCVN 1651-2:2018; ASTM A615/A615M-20	Φ14- Φ32	Cty CP tập đoàn VAS Nghi Sơn		Công ty TNHH Thương mại Đạt Huy Điện Biên. SN 37, TDP 5, P.Mường Thanh - T. Điện Biên		14.809														-		
386	Thép thanh vằn D36 CB400-V/CB500V	kg	TCVN 1651-2:2018; ASTM A615/A615M-20	Φ36	Cty CP tập đoàn VAS Nghi Sơn		Công ty TNHH Thương mại Đạt Huy Điện Biên. SN 37, TDP 5, P.Mường Thanh - T. Điện Biên		15.009														-		
387	Thép thanh vằn D40 CB400-V/CB500V	kg	TCVN 1651-2:2018; ASTM A615/A615M-21	Φ40	Cty CP tập đoàn VAS Nghi Sơn		Công ty TNHH Thương mại Đạt Huy Điện Biên. SN 37, TDP 5, P.Mường Thanh - T. Điện Biên		15.209														-		
388	Thép cuộn tròn trơn d6 CB240-T	kg	TCVN 1651-1:2018	Φ6	Công ty TNHH NatSteelVina		Đơn vị phân phối sản phẩm: Công ty TNHH KDH Điện Biên; 0982003209 (Tổ 7, phường Mường Thanh)		14.970														-		
389	Thép cuộn tròn trơn d8 CB240-T	kg	TCVN 1651-1:2018	Φ8	Công ty TNHH NatSteelVina		Đơn vị phân phối sản phẩm: Công ty TNHH KDH Điện Biên; 0982003209 (Tổ 7, phường Mường Thanh)		14.970														-		
390	Thép cuộn vằn d8 CB300-V	kg	TCVN 1651-2:2018	Φ8	Công ty TNHH NatSteelVina		Đơn vị phân phối sản phẩm: Công ty TNHH KDH Điện Biên; 0982003209 (Tổ 7, phường Mường Thanh)		14.970														-		

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuấn Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Áng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luẩn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
391	Thép thanh vằn d9-d10 CB300-V	kg	TCVN 1651-2:2018	Φ9-Φ10	Công ty TNHH NatSteelVina		Đơn vị phân phối sản phẩm: Công ty TNHH KDH Điện Biên; 0982003209 (Tổ 7, phường Mường Thanh)		15.220														-		
392	Thép thanh vằn d12-d25 CB300-V	kg	TCVN 1651-2:2018	Φ12-Φ25	Công ty TNHH NatSteelVina		Đơn vị phân phối sản phẩm: Công ty TNHH KDH Điện Biên; 0982003209 (Tổ 7, phường Mường Thanh)		15.020														-		
393	Thép thanh vằn d10 CB400-V	kg	TCVN 1651-2:2018	Φ10	Công ty TNHH NatSteelVina		Đơn vị phân phối sản phẩm: Công ty TNHH KDH Điện Biên; 0982003209 (Tổ 7, phường Mường Thanh)		14.970														-		
394	Thép thanh vằn d12 CB400-V	kg	TCVN 1651-2:2018	Φ12	Công ty TNHH NatSteelVina		Đơn vị phân phối sản phẩm: Công ty TNHH KDH Điện Biên; 0982003209 (Tổ 7, phường Mường Thanh)		15.320														-		
395	Thép thanh vằn d14-d32 CB400-V	kg	TCVN 1651-2:2018	Φ14-Φ32	Công ty TNHH NatSteelVina		Đơn vị phân phối sản phẩm: Công ty TNHH KDH Điện Biên; 0982003209 (Tổ 7, phường Mường Thanh)		14.770														-		
	THÉP KHÁC																								
396	Dây thép đen mềm 1 ly VN	kg	TCVN 197:2002					17.636	17.636	20.727		16.727					18.181		30.000		20.000	18.164	18.181		
397	Dây thép mạ kẽm 2-4ly VN	kg	TCVN 197:2002					19.273	19.273	20.545		22.455							30.000		20.000	19.664			
398	Lưới thép B40	kg	TCVN 197:2002					19.182	19.182	21.182		18.636							20.000		18.182	19.345	-		
399	Đinh 3cm -7cm	kg	TCVN 197:2002					19.318	19.318			19.455									18.182		-		
400	Đinh 10cm	kg	TCVN 197:2002					19.318	19.318			18.909							20.000		18.182		-		
401	Que hàn 2,5 ly	kg	TCVN 197:2002																80.000		63.636				
402	Que hàn 2,5 ly	kg	TCVN 197:2002																		109.090				
	VI. XI MĂNG																								
403	Xi măng Bút Sơn PCB 30	kg	TCVN 6260:2020; ISO 9001:2015		Công ty cổ phần xi măng VICEM Bút Sơn			1.713	1.648										1.455		1.400		1.712		
404	Xi măng Bút Sơn PCB 40	kg	TCVN 6260:2020; ISO 9001:2015		Công ty cổ phần xi măng VICEM Bút Sơn			1.759	1.713			1.667							1.636		1.500				
405	Xi măng trắng Hải Phòng, Thái Bình loại 50kg/bao	kg	TCVN 5691:2021		Công ty Xi măng Vicem Hải Phòng			3.182	3.182											10.000		1.818			

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luôn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
406	Xi măng Điện Biên PCB 30	kg	TCVN 6260:2020;QCVN 16:2023/BXD		Công ty cổ phần xi măng Điện Biên			1.409	1.409	1.704		1.409	1.409	1.409			1.450				1.400	1.727	1.297	1.667	
407	Xi măng Điện Biên PCB 40	kg	TCVN 6260:2020;QCVN 16:2023/BXD		Công ty cổ phần xi măng Điện Biên			1.473	1.473	1.750		1.473	1.473	1.473			1.550				1.460	1.791	1.703	1.759	
408	Xi măng Trung Sơn PCB30	kg			Cửa hàng Chu Sỹ Tuấn; Oăng Chông Sín, xã Sín Chải														1.700						
409	Xi măng Trung Sơn PCB40	kg			Cửa hàng Chu Sỹ Tuấn; Oăng Chông Sín, xã Sín Chải														1.800						
410	Xi Măng Sông Mã PCB30	kg	TCVN 6260:2020		Công ty xi măng Sông Mã		Đơn vị phân phối sản phẩm: Công ty TNHH KDH Điện Biên; 0982003209 (Tổ 7, phường Mường Thanh)		1.435																
411	Xi Măng Sông Mã PCB40	kg	TCVN 6260:2020		Công ty xi măng Sông Mã		Đơn vị phân phối sản phẩm: Công ty TNHH KDH Điện Biên; 0982003209 (Tổ 7, phường Mường Thanh)	1.500	1.500																
412	Xi Măng chống thấm CX-MEN	Bao	QCVN16:2017/BXD		Công ty TNHH Thương Mại Sông Đà Trường Thịnh		NPP: Công ty TNHH TM & Hồng Minh Điện Biên; Đ/c: Thôn Độc Lập,Xã Thanh Nưa, SĐT: 0914.535.012																825.000		
413	Xi măng chống thấm CX-MEN PRO 68	Thùng	TCVN 8826:2011		Công ty TNHH Thương Mại Sông Đà Trường Thịnh		NPP: Công ty TNHH TM & Hồng Minh Điện Biên; Đ/c: Thôn Độc Lập,Xã Thanh Nưa, SĐT: 0914.535.013																1.880.000		
414	Xi măng PC 30	kg	TCVN 6260:2020					1.435	1.435											1.500					
415	Xi măng PC 40	kg	TCVN 6260:2020					1.481	1.481											1.700					
416	Vôi cục	kg						2.727	2.727																
417	Vôi bột	kg										7.273													
VII. BỀ TỔNG VÀ PHỤ GIA CÁC LOẠI																									
418	Bê tông thương phẩm	m3		M150	Công ty TNHH 368 tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Xã Mường Ảng, tỉnh Điện Biên							1.041.000											
419	Bê tông thương phẩm	m3		M200	Công ty TNHH 368 tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Xã Mường Ảng, tỉnh Điện Biên							1.291.000											

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhé	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
420	Bê tông thương phẩm	m3		M250	Công ty TNHH 368 tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Xã Mường Ảng, tỉnh Điện Biên							1.358.000											
421	Bê tông thương phẩm	m3		M300	Công ty TNHH 368 tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Xã Mường Ảng, tỉnh Điện Biên							1.423.000											
422	Vữa Chống Thẩm CX-MEN Nano Gold	Bao	TCVN 8826:2011	25kg	Công ty TNHH Thương Mại Sông Đà Trường Thịnh		NPP: Công ty TNHH TM & Hồng Minh Điện Biên; Đ/c: Thôn Độc Lập, Xã Thanh Nưa; SĐT: 0914.535.012																550.000		
423	Phụ gia hóa học CX MEN Pro one	Lon	TCVN 8826:2012	300ml	Công ty TNHH Thương Mại Sông Đà Trường Thịnh		NPP: Công ty TNHH TM & Hồng Minh Điện Biên; Đ/c: Thôn Độc Lập, Xã Thanh Nưa; SĐT: 0914.535.012																1.193.500		
424	Phụ gia hóa học CX MEN Pro	Can	TCVN 8826:2013	2 Lit	Công ty TNHH Thương Mại Sông Đà Trường Thịnh		NPP: Công ty TNHH TM & Hồng Minh Điện Biên; Đ/c: Thôn Độc Lập, Xã Thanh Nưa; SĐT: 0914.535.012																737.000		
425	Keo dán Gạch CX MEN MOZART	Bao	TCVN7899-1:2008	25kg	Công ty TNHH Thương Mại Sông Đà Trường Thịnh		NPP: Công ty TNHH TM & Hồng Minh Điện Biên; Đ/c: Thôn Độc Lập, Xã Thanh Nưa; SĐT: 0914.535.012																330.000		
426	Bê tông M300, đá 1x2cm, độ sụt 14-17	m3		M300	Công ty cổ phần đầu tư XNK Việt Lào tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, Chưa bao gồm cước vận chuyển, Chưa bao gồm chi phí bơm	bán Phiêng Ban, xã Thanh Nưa, ĐT: 02303.954.888																1.380.000		
427	Bê tông M250, đá 1x2cm, độ sụt 14-17	m3		M250	Công ty cổ phần đầu tư XNK Việt Lào tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, Chưa bao gồm cước vận chuyển, Chưa bao gồm chi phí bơm	bán Phiêng Ban, xã Thanh Nưa, ĐT: 02303.954.888																1.280.000		
428	Bê tông M200, đá 1x2cm, độ sụt 14-17	m3		M200	Công ty cổ phần đầu tư XNK Việt Lào tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, Chưa bao gồm cước vận chuyển, Chưa bao gồm chi phí bơm	bán Phiêng Ban, xã Thanh Nưa, ĐT: 02303.954.888																1.179.000		
429	Bê tông M150, đá 1x2cm, độ sụt 14-17	m3		M150	Công ty cổ phần đầu tư XNK Việt Lào tỉnh Điện Biên	Giá tại nơi sản xuất, Chưa bao gồm cước vận chuyển, Chưa bao gồm chi phí bơm	bán Phiêng Ban, xã Thanh Nưa, ĐT: 02303.954.888																1.075.000		
430	Sika cho sản xuất bê tông	can		Sikament R7N loại 5 lít	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ; ĐT: 0968.355.999	100.000																	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
431	Sika cho sản xuất bê tông	can		Sikament R7N loại 25 lít	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	500.000																	
432	Sika cho sản xuất bê tông	can		Sikament R4 loại 5 lít	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	165.455																	
433	Sika cho sản xuất bê tông	can		Sikament R4 loại 25 lít	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	700.000																	
434	Sika cho sản xuất bê tông	thùng		Sika lastic 680 loại thùng 28 kg	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	3.386.364																	
435	Sika cho sản xuất bê tông	can		Sika sigunit L53 MY loại can 25 lít	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	1.081.818																	
436	Sika cho sản xuất bê tông	phuy		Sika sigunit L53 MY loại phuy 200 lít	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	8.381.818																	
437	Sản phẩm hỗ trợ	can		Plastocrete N loại 25 lít	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	750.000																	
438	Vữa rót gốc xi măng	bao		Sikagrout 214-11 loại 25 kg	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	320.000																	
439	Vữa rót gốc xi măng	bao		Sikagrout GP loại 25 kg	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	280.000																	
440	Vữa rót gốc xi măng	túi		Tile Grout White loại 1 kg	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	18.182																	
441	Vữa rót gốc xi măng	bao		Sika Tile Bond GP loại 25 kg	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	190.909																	
442	Sửa chữa bê tông (Vữa trộn tại công trường)	can		Sika Latex loại 5 lít	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	481.818																	
443	Sửa chữa bê tông (Vữa trộn tại công trường)	can		Sika Latex loại 25 lít	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	2.300.000																	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
444	Sữa chữa bê tông (Vữa trộn tại công trường)	can		Sika Latex TH loại 25 lít	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	1.554.545																	
445	Sữa chữa bê tông (Vữa trộn tại công trường)	can		Sika Latex TH loại 5 lít	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	350.000																	
446	Sữa chữa bê tông (Vữa trộn tại công trường)	kg		Intraplast Z- HV	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	109.091																	
447	Chất kết dính cường độ cao	tuýp		sika Anchorfix- keo kết nối sắt tuýp 600ml	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	650.000																	
448	Chất trám khe và chất kết dính dán hồi	tuýp		Sikaflex Construction AP tuýp 600ml	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	190.909																	
449	Chất chống thấm	bộ		Sikatop Seal 107 loại bộ gồm bao 20 kg và can 5 kg	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	850.000																	
450	Chất chống thấm	túi		Sika 102 loại 2 kg	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	350.000																	
451	Màng chống thấm	thùng		Sikaproof Membrane loại 18 kg	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	981.818																	
452	Màng chống thấm	thùng		Sikaproof Membrane loại 6 kg	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	450.000																	
453	Màng chống thấm	thùng		Sika Raintile (G,W) loại 20 kg	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	1.950.000																	
454	Màng chống thấm	thùng		Sika Raintile (G,W) loại 4 kg	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	450.000																	
455	Màng chống thấm	thùng		Sika Lactic 632R loại 21 kg	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	4.200.000																	
456	Màng chống thấm	thùng		Sika Uprimer loại 14 kg	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	2.800.000																	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
457	Sản phẩm cho các khe nối	m		Sika Waterbar V20(Y)	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	250.000																	
458	Sản phẩm cho các khe nối	m		Sika SwellStop	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	180.000																	
459	Sản phẩm cho các khe nối	m		Sika SwellStop II	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	95.455																	
460	Sản phẩm cho các khe nối	tuýp		sika Anchorfix- keo kết nối sắt tuýp 600ml	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	650.000																	
461	Màng chống thấm định hình	m2		Bituseal T130SG	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	163.636																	
462	Phụ gia siêu dẻo-chậm đông kết SILKROAD	lit		Roadcon- SSA loại thùng 1.000 lit	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	15.727																	
463	Phụ gia siêu dẻo-chậm đông kết SILKROAD	lit		Roadcon- SSA 2000 loại thùng 1.000 lit	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	18.091																	
464	Phụ gia siêu dẻo-chậm đông kết SILKROAD	lit		Roadcon- HR 1000 loại thùng 1.000 lit	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	24.818																	
465	Phụ gia siêu dẻo-chậm đông kết SILKROAD	lit		Roadcon- HR 1500 loại thùng 1.000 lit	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	29.545																	
466	Phụ gia siêu dẻo-chậm đông kết SILKROAD	lit		Roadcon- SPR 1000 loại thùng 1.000 lit	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	29.545																	
467	Phụ gia siêu dẻo-chậm đông kết SILKROAD	lit		Roadcon- SR 3000S loại thùng 1.000 lit	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	47.727																	
468	Phụ gia siêu dẻo giảm nước mức cao	lit		Roadcon- SR 1000P loại phuy 200 lit	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	33.364																	
469	Phụ gia siêu dẻo giảm nước mức cao	lit		Roadcon- SR 2000P loại thùng 1.000 lit	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tổ 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	32.455																	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
470	Phụ gia đông kết nhanh cho hỗn hợp bê tông	lít		Roadcon- LF 3000 loại thùng 1.000 lít	CÔNG TY TNHH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ QTTQ Điện Biên		Đ/c: Tô 14 - P Điện Biên Phủ;ĐT: 0968.355.999	42.909																	
VIII. NHỰA ĐƯỜNG, CARBONCOR ASPHALT																									
471	Nhựa đường phuy Iran	kg	TCVN 7493:2005		Công ty xăng dầu Điện Biên		NPP: Công ty cổ phần xăng dầu Điện Biên	15.000																	
472	Nhựa đường lỏng 60/70 xe 16 tấn	kg	TCVN 7493:2005		Công ty xăng dầu Điện Biên		NPP: Công ty cổ phần xăng dầu Điện Biên	15.000																	
473	Nhựa đường lỏng 60/70 xe 27 tấn	kg	TCVN 7493:2005		Công ty xăng dầu Điện Biên		NPP: Công ty cổ phần xăng dầu Điện Biên	15.000																	
474	CarboncorAsphalt -CA 9.5	kg	TCCS 09:2014/TCDBVN		CÔNG TY CP CARBON VIỆT NAM		Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hồng Minh Điện Biên;ĐT: 0978.200.505Đ/c: Thôn Độc Lập, xã Thanh Nưa																4.208		
475	CarboncorAsphalt -CA 19 (bê tông nhựa rỗng Carbon)	kg	TCCS 09:2014/TCDBVN		CÔNG TY CP CARBON VIỆT NAM		Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hồng Minh Điện Biên;ĐT: 0978.200.505Đ/c: Thôn Độc Lập, xã Thanh Nưa																3.378		
476	Nhũ tương kiểm thẩm bảm	Đ/lít	TCCS 09:2014/TCDBVN		CÔNG TY CP CARBON VIỆT NAM		Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hồng Minh Điện Biên;ĐT: 0978.200.505Đ/c: Thôn Độc Lập, xã Thanh Nưa																50.000		
IX. VẬT LIỆU TẤM LỢP, BAO CHE																									
477	Tấm lợp Fibrô xi măng Thái Nguyên loại I. TCVN 4434-2000. (Kích thước: 1.400 mm x 900 mm x 5 mm).	tấm	TCVN 4434-2000	(Kích thước: 1.400 mm x 900 mm x 5 mm).				39.352	39.352			41.667							43.000			41.667		46.296	
478	Tấm úp nóc Thái Nguyên: 1.000 mm x 340 mm x 5 mm	tấm	TCVN 8053:2009	KT: 1.000mmx340x5mm				13.636	13.636			15.741							18.000			18.182			
479	Tôn lợp mạ màu, mạ kẽm	m2	tiêu chuẩn Nhật Bản JIS G3312	Độ dày 0,35mm	Việt Nhật (SSSC), Hoa Sen (LOTUS)		Cửa hàng bán VLXD Khanh Hằng, C17, phường Mường Thanh	89.091	89.091			88.545					74.545				68.182	77.273		86.364	
480	Tôn lợp mạ màu, mạ kẽm	m2	tiêu chuẩn Nhật Bản JIS G3312	Độ dày 0,40mm	Việt Nhật (SSSC), Hoa Sen (LOTUS)		Cửa hàng bán VLXD Khanh Hằng, C17, phường Mường Thanh	100.000	100.000			97.636					83.636		60.000		72.727	86.364			
481	Tôn lợp mạ màu, mạ kẽm	m2	tiêu chuẩn Nhật Bản JIS G3312	Độ dày 0,45mm	Việt Nhật (SSSC), Hoa Sen (LOTUS)		Cửa hàng bán VLXD Khanh Hằng, C17, phường Mường Thanh	109.091	109.091			107.636									77.273				
482	Máng mạ màu, mạ kẽm	md	tiêu chuẩn Nhật Bản JIS G3312	Khô 300 mm	Việt Nhật (SSSC), Hoa Sen (LOTUS)		Cửa hàng bán VLXD Khanh Hằng, C17, phường Mường Thanh	36.364	36.364			24.000							130.000		22.727	27.273			

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
483	Máng mạ màu, mạ kẽm	md	tiêu chuẩn Nhật Bản JIS G3312	Khô 400 mm	Việt Nhật (SSSC), Hoa Sen (LOTUS)		Cửa hàng bán VLXD Khanh Hằng, C17, phường Mường Thanh	54.545	54.545			26.727										27.273			
484	Nóc mạ màu, mạ kẽm	md	tiêu chuẩn Nhật Bản JIS G3312	Khô 300 mm	Việt Nhật (SSSC), Hoa Sen (LOTUS)		Cửa hàng bán VLXD Khanh Hằng, C17, phường Mường Thanh	45.455	45.455																
485	Nóc mạ màu, mạ kẽm	md	tiêu chuẩn Nhật Bản JIS G3312	Khô 400 mm	Việt Nhật (SSSC), Hoa Sen (LOTUS)		Cửa hàng bán VLXD Khanh Hằng, C17, phường Mường Thanh	54.545	54.545																
486	Tôn xốp mạ màu, mạ kẽm	m2	tiêu chuẩn Nhật Bản JIS G3312	Độ dày 0,35mm	Việt Nhật (SSSC), Hoa Sen (LOTUS)		Cửa hàng bán VLXD Khanh Hằng, C17, phường Mường Thanh	159.091	159.091			88.545					109.090								
487	Tôn xốp mạ màu, mạ kẽm	m2	tiêu chuẩn Nhật Bản JIS G3312	Độ dày 0,4mm	Việt Nhật (SSSC), Hoa Sen (LOTUS)		Cửa hàng bán VLXD Khanh Hằng, C17, phường Mường Thanh	172.727	172.727			97.636					118.181								
488	Tôn xốp mạ màu, mạ kẽm	m2	tiêu chuẩn Nhật Bản JIS G3312	Độ dày 0,42mm	Việt Nhật (SSSC), Hoa Sen (LOTUS)		Cửa hàng bán VLXD Khanh Hằng, C17, phường Mường Thanh	177.273	177.273			107.636													
489	Tấm lợp Fibrô xi măng TN loại 1 KT: 1,5x0,91m	tấm	TCVN 4434-2000	KT: 1,5x0,91m								40.909													
490	Tấm lợp Fibrô xi măng TN loại 2 KT: 1,5x0,91m	tấm	TCVN 4434-2000	KT: 1,5x0,91m								37.273													
491	Tấm úp nóc Fibrô xi măng TN TCVN 4434-2000	viên	TCVN 4434-2000	KT:(1.000x400 x5)mm								15.455													
495	Tấm lợp Fibro xi măng	tấm	TCVN 4434-2000	KT: 1,4mx0,9mx 5mm																		39.091			
496	Tấm lợp tôn các loại	m2																		45.000			64.545		
497	Tấm lợp nhựa các loại	m2																		95.000			63.636		
	X. SƠN																								
498	Sơn Giao thông Joline (trắng) phẳng	kg	AASHTO M249-12	Thùng 25 kg	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	29.000																	
499	Sơn giao thông Joline (vàng) phẳng	kg	AASHTO M249-12	Thùng 25 kg	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	39.500																	
500	Sơn giao thông Joline (trắng) phẳng	kg	TCVN 8791-2011	Thùng 25 kg	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	36.500																	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
501	Sơn giao thông Joline (vàng) phẳng	kg	TCVN 8791-2011	Thùng 25 kg	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; D/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	37.500																	
502	Joline Primer (sơn lót) cho hệ nhiệt dẻo	kg	TCVN 8791-2011	Thùng 25 kg	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; D/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	95.800																	
503	Sơn giao thông hệ dung môi Joway trắng	kg	TCVN 8791-2011	Thùng 25kg,Lon 5kg	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; D/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	153.000																	
504	Sơn giao thông hệ dung môi Joway đen	kg	TCVN 8791-2011	Thùng 25kg,Lon 5kg	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; D/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	153.000																	
505	Sơn giao thông hệ dung môi Joway vàng	kg	TCVN 8791-2011	Thùng 25kg,Lon 5kg	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; D/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	191.800																	
506	Sơn giao thông hệ dung môi Joway đỏ	kg	TCVN 8791-2011	Thùng 25kg,Lon 5kg	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; D/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	191.700																	
507	Hạt phản quang loại A	kg	TCVN 8791-2011	Thùng 25kg	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; D/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	32.700																	
508	Jones WEPO	kg	TCCS CN24:2022	Bộ 20kg, bộ 4kg	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; D/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	250.000																	
509	Jona WEPO màu thường	kg	TCCS CN07:2023	Bộ 19,5kg, 6,5kg	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; D/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	299.000																	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
510	Jones Epo Clear	kg	TCCS CN09:2023	Bộ 20kg, bộ 4kg	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	219.000																	
511	Jona Epo màu cơ bản	kg	JISK 5659:2018	Bộ 20kg, bộ 4kg	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	290.000																	
512	Jones Sealer EC	kg		Thùng 10kg	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	210.000																	
513	Jona Level New	kg	TCCS CN05:2023	Bộ 19,5kg, 6,5kg	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	208.000																	
514	Dung môi TN 305	lit	TCVN 6643 : 2000	Lon 5L	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	72.600																	
515	Dung môi TN 401	lit	TCVN 6643 : 2000	Lon 5L	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	66.000																	
516	Dung môi TN 304	lit	TCVN 6643 : 2000	Lon 5L	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	77.000																	
517	Sp Primer (Chống rỉ)	Kg	JIS K 5962:1993	Thùng 20kg, Lon 3,5kg, Lon 1kg	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	107.250																	
518	Jimmy (Phủ Alkyd)	Kg	JIS K 5962:1993	Thùng 20kg, Lon 3kg, Lon 0,8kg	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	157.400																	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luôn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
519	Bột bả cao cấp Joton	Kg	QCVN 16:2019/BXD	Bao 40kg, bao 5kg	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	14.875																	
520	Bột bả ngoại thất J-Plus	Kg	QCVN 16:2019/BXD	Bao 40kg, bao 5kg	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	17.900																	
521	Bột bả Jotia nội thất	Kg	QCVN 16:2019/BXD	Bao 40kg, bao 25kg	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	9.100																	
522	Sơn lót kháng kiềm ngoại thất Joton Altex	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 18L, Lon 5L	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	148.600																	
523	Sơn lót kháng kiềm nội thất Joton Altin	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 18L, Lon 3,8L	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	94.700																	
524	Sơn lót chống kiềm ngoại thất Fotex	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 18L, Lon 5L	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	148.600																	
525	Sơn lót chống kiềm nội thất Fotin	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 18L, Lon 5L	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	94.700																	
526	Sơn Joton FA ngoại thất bóng	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 17L, Lon 5L, 1L	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	323.529																	
527	Sơn Joton FA nội thất	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 18L, Lon 5L	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	109.833																	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuấn Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
528	Sơn Jony ngoại thất mịn	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 15L, Lon 5L	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	169.000																	
529	Sơn Jony nội thất mịn	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 15L, Lon 5L	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	75.600																	
530	Sơn lót ngoại thất JOTON ALTEX DA	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 17 lit	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	94.200																	
531	Sơn lót nội thất JOTON ALTIN DA	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 17 lit	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	61.600																	
532	Sơn phủ ngoại thất JOTON JONY E	Kg	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 17 lit	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	90.500																	
533	Sơn phủ nội thất JOTON JONY INT	Kg	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 17 lit	Công ty CP L.Q Joton Hà Nội		NPP: Công ty TNHH Lâm Huy Điện Biên; Đ/c: SN45, tổ 5, P Điện Biên Phủ; sdt: 0916.001.707	40.800																	
534	Sơn nội thất VALENTA ECO	lit	QCVN 16:2019/BXD	Lon 5L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		276.364																
535	Sơn nội thất VALENTA ECO	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 18 L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		850.909																
536	Sơn siêu trắng nội thất cao cấp VALENTA SUPER WHITE	lit	QCVN 16:2019/BXD	Lon 5L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		535.455																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhé	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
537	Sơn siêu trắng nội thất cao cấp VALENTA SUPER WHITE	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 18L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		1.773.636																
538	Sơn bóng nội thất cao cấp VALENTA HIGHCLASS	lit	QCVN 16:2019/BXD	Hộp 5L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		1.105.455																
539	Sơn bóng nội thất cao cấp VALENTA HIGHCLASS	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 18L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		3.620.909																
540	Sơn nội thất cao cấp VALENTA SILKY	lit	QCVN 16:2019/BXD	Lon 5L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		395.455																
541	Sơn nội thất cao cấp VALENTA SILKY	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 18L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		1.386.364																
542	Sơn siêu bóng nội thất cao cấp VALENTA SUPER GLOSS	lit	QCVN 16:2019/BXD	Hộp 1L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		353.636																
543	Sơn siêu bóng nội thất cao cấp VALENTA SUPER GLOSS	lit	QCVN 16:2019/BXD	Lon 5L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		1.365.455																
544	Sơn siêu bóng nội thất cao cấp VALENTA SUPER GLOSS	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 18L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		4.462.727																
545	Sơn men sứ nội thất VALENTA INTERIOR PLATINUM ENAMEL	lit	QCVN 16:2019/BXD	Hộp 1L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		429.091																
546	Sơn men sứ nội thất VALENTA INTERIOR PLATINUM ENAMEL	lit	QCVN 16:2019/BXD	Lon 5L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		1.833.636																
547	Sơn ngoại thất VALENTA ANTI - DUST	lit	QCVN 16:2019/BXD	Lon 5L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		522.727																
548	Sơn ngoại thất VALENTA ANTI - DUST	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 18L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		1.389.091																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luôn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
549	Sơn ngoại thất cao cấp VALENTA ANTI - DUST	lit	QCVN 16:2019/BXD	Lon 5L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		650.000																
550	Sơn ngoại thất cao cấp VALENTA ANTI - DUST	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 18L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		2.090.909																
551	Sơn bóng ngoại thất cao cấp VALENTA SHINING	lit	QCVN 16:2019/BXD	Hộp 1L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		341.818																
552	Sơn bóng ngoại thất cao cấp VALENTA SHINING	lit	QCVN 16:2019/BXD	Lon 5L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		1.304.545																
553	Sơn bóng ngoại thất cao cấp VALENTA SHINING	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 18L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		4.406.364																
554	Sơn siêu bóng ngoại thất cao cấp VALENTA SPECIAL PROTECTION	lit	QCVN 16:2019/BXD	Hộp 1L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		409.091																
555	Sơn siêu bóng ngoại thất cao cấp VALENTA SPECIAL PROTECTION	lit	QCVN 16:2019/BXD	Lon 5L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		1.692.727																
556	Sơn men sứ ngoại thất VALENTA EXTERIOR PLATINUM ENAMEL	lit	QCVN 16:2019/BXD	Hộp 1L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		455.455																
557	Sơn men sứ ngoại thất VALENTA EXTERIOR PLATINUM ENAMEL	lit	QCVN 16:2019/BXD	Lon 5L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		1.957.273																
558	Sơn men sứ ngoại thất VALENTA EXTERIOR PLATINUM ENAMEL	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 15L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		6.607.273																
559	Sơn lót kháng kiềm nội thất VALENTA PRIMER INTERIOR ECO	lit	QCVN 16:2019/BXD	Lon 5L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		508.182																
560	Sơn lót kháng kiềm nội thất VALENTA PRIMER INTERIOR ECO	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 18L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		1.781.818																
561	Sơn lót kháng kiềm nội thất cao cấp VALENTA PRIMER INTERIOR	lit	QCVN 16:2019/BXD	Lon 5L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		661.818																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuấn Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
562	Sơn lót kháng kiềm nội thất cao cấp VALENTA PRIMER INTERIOR	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 18L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		2.316.364																
563	Sơn lót kháng kiềm ngoại thất cao cấp VALENTA PRIMER EXTERIOR	lit	QCVN 16:2019/BXD	Lon 5L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		917.273																
564	Sơn lót kháng kiềm ngoại thất cao cấp VALENTA PRIMER EXTERIOR	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 18L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		3.058.182																
565	Sơn lót đặc biệt No 1 VALENTA PRIMER NUMBER ONE	lit	QCVN 16:2019/BXD	Hộp 1L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		493.636																
566	Sơn lót đặc biệt No 1 VALENTA PRIMER NUMBER ONE	lit	QCVN 16:2019/BXD	Lon 5L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		1.972.727																
567	Sơn chống thấm đa năng VALENTA WATERPROOF	lit	QCVN 16:2019/BXD	Lon 5L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		731.818																
568	Sơn chống thấm đa năng VALENTA WATERPROOF	lit	QCVN 16:2019/BXD	Hộp 18L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		2.507.273																
569	Sơn chống thấm màu cao cấp VALENTA COLOR WATERPROOFING	lit	QCVN 16:2019/BXD	Lon 5L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		1.010.000																
570	Sơn chống thấm màu cao cấp VALENTA COLOR WATERPROOFING	lit	QCVN 16:2019/BXD	Thùng 18L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		3.240.000																
571	PHỦ BÓNG KHÔNG MÀU CLEAR	lit	QCVN 16:2019/BXD	Lon 5L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		717.273																
572	SEALING - BỘT BẢ TRONG NHÀ	Kg	QCVN 16:2019/BXD		Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		318.182																
573	UNBROKEN - BỘT BẢ NGOÀI NHÀ CAO CẤP	Kg	QCVN 16:2019/BXD	Bao 40kg	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		409.091																
574	Sơn nhũ (Nhũ vàng, nhũ bạc, nhũ đồng) VALENTA PLATINUM EMULSION	lit	QCVN 16:2019/BXD	Hộp 1L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		381.818																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
575	Sơn nhũ (Nhũ vàng, nhũ bạc, nhũ đồng) VALENTA PLATINUM EMULSION	lít	QCVN 16:2019/BXD	Lon 5L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		1.714.545																
576	Sơn giả đá VALENTA PLATINUM STONE	lít	QCVN 16:2019/BXD	Lon 5L	Công ty cổ phần sản xuất Sơn Hà Nội		NPP: Nguyễn Tô Trung Hiếu; Đ/c số nhà 18, tổ 3, phường Mường Thanh		772.727																
577	Sơn trắng bóng nội ngoại thất cao cấp E8000	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2024	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hưởng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																175.406		
578	Sơn chống thấm đa năng ET18	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hưởng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																157.894		
579	Sơn chống thấm màu ECT16A	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hưởng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																198.564		
580	Sơn mịn ngoại thất S5	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hưởng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																85.142		
581	Sơn mờ ngoại thất S2	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hưởng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																105.801		
582	Sơn bóng ngoại thất S3	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hưởng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																226.208		
583	Sơn siêu bóng ngoại thất S4	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hưởng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																266.151		
584	Sơn trắng trần nội thất E1000	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hưởng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																88.398		
585	Sơn mịn nội thất E7	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hưởng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																39.047		
586	Sơn mịn nội thất E5	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hưởng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																55.671		

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuấn Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
587	Sơn bóng nội thất E3	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hưởng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																175.048		
588	Sơn siêu bóng nội thất E4	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hưởng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																225.338		
589	Sơn lót kháng kiềm nội thất đặc biệt E9000	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hưởng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																103.722		
590	Sơn lót kháng kiềm nội thất E9111	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hưởng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																83.636		
591	Sơn lót kháng kiềm ngoại thất đặc biệt S9000	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hưởng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																143.722		
592	Sơn lót kháng kiềm ngoại thất S9111	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hưởng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																116.363		
593	Sơn trắng bóng nội ngoại thất cao cấp J8000	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hưởng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																176.651		
594	Sơn chống thấm đa năng JT18	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hưởng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																159.712		
595	Sơn chống thấm màu JCT16A	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hưởng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																198.564		
596	Sơn mịn ngoại thất A5	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hưởng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																81.731		
597	Sơn mờ ngoại thất A2	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hưởng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																107.619		

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhé	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
598	Sơn bóng ngoại thất A3	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hưởng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																227.852		
599	Sơn siêu bóng ngoại thất A4	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hưởng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																267.504		
600	Sơn trắng trần nội thất J1000	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hưởng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																94.091		
601	Sơn mịn nội thất J7	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hưởng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																41.038		
602	Sơn mịn nội thất J5	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hưởng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																55.931		
603	Sơn bóng nội thất J3	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hưởng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																175.628		
604	Sơn siêu bóng nội thất J4	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hưởng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																226.692		
605	Sơn lót kháng kiềm nội thất đặc biệt J9000	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hưởng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																104.675		
606	Sơn lót kháng kiềm nội thất J9111	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hưởng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																84.818		
607	Sơn lót kháng kiềm ngoại thất đặc biệt A9000	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hưởng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																144.761		
608	Sơn lót kháng kiềm ngoại thất A9111	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hưởng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																121.818		
609	Sơn trắng bóng nội ngoại thất cao cấp T8000	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hưởng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																181.818		

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
610	Sơn chống thấm đa năng CT18	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hưởng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																139.712		
611	Sơn chống thấm màu CTM8	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hưởng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																200.956		
612	Sơn mịn ngoại thất M8	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hưởng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																86.406		
613	Sơn bóng mờ ngoại thất BM8	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hưởng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																150.871		
614	Sơn bóng ngoại thất B8	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hưởng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																212.765		
615	Sơn siêu bóng ngoại thất SB8	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hưởng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																313.368		
616	Sơn trắng trần nội thất T6000	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hưởng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																72.727		
617	Sơn mịn nội thất KT6	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hưởng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																31.404		
618	Sơn mịn nội thất M6	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hưởng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																53.679		
619	Sơn bóng mờ nội thất BM6	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hưởng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																117.988		
620	Sơn bóng nội thất B6	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hưởng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																154.545		
621	Sơn siêu bóng nội thất SB6	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hưởng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																212.834		

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuấn Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Áng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
622	Son lót kháng kiềm nội thất đặc biệt P666	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hưởng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																102.164		
623	Son lót kháng kiềm nội thất LT6111	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hưởng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																60.691		
624	Son lót kháng kiềm ngoại thất đặc biệt P8888	kg	TCVN 2097:2015; TCVN 8653-4:2024; TCVN 8653-5:2025	Lon	Công ty cổ phần sơn VINAECO		Công ty TNHH TM&XD Chỉ Hưởng Điện Biên, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên																119.481		
	SON NISENTEX																								
625	Son lót chống kiềm, mốc nội thất cao cấp (thùng 22kg)	lít		Thùng			Cửa hàng: Văn Xuyên, xã Tuấn Giáo: 0899.829.998					89.444													
626	Son lót chống kiềm, mốc ngoại thất cao cấp (thùng 22kg)	lít		Thùng			Cửa hàng: Văn Xuyên, xã Tuấn Giáo: 0899.829.998					128.009													
627	Son nội thất trắng, mẫu cao cấp A+(thùng 22kg)	lít		Thùng			Cửa hàng: Văn Xuyên, xã Tuấn Giáo: 0899.829.998					46.019													
628	Son nội thất cao cấp trắng, mẫu Super (thùng 22kg)	lít		Thùng			Cửa hàng: Văn Xuyên, xã Tuấn Giáo: 0899.829.998					65.741													
629	Son ngoại thất cao cấp trắng, mẫu 3in1 (thùng 21kg)	lít		Thùng			Cửa hàng: Văn Xuyên, xã Tuấn Giáo: 0899.829.998					99.630													
630	Son ngoại thất siêu bóng trắng, mẫu bóng (thùng 19kg)	lít		Thùng			Cửa hàng: Văn Xuyên, xã Tuấn Giáo: 0899.829.998					214.352													
631	Son chống thấm mẫu cao cấp (thùng 19kg)	lít		Thùng			Cửa hàng: Văn Xuyên, xã Tuấn Giáo: 0899.829.998					172.685													
632	Son chống thấm đa năng trộn XM (thùng 19kg)	lít		Thùng			Cửa hàng: Văn Xuyên, xã Tuấn Giáo: 0899.829.998					154.630													
633	Son chống ri (loại hộp 2kg)	kg		Thùng			Đại lý Hà Dương, xã Tuấn Giáo ĐT: 0215.3862.550					81.481													
634	Son ATM trắng 4l	Lít		lon																			111.454		
635	Son ATM trắng 18l	Thùng		thùng			Cửa hàng Khiêm Vi, xã Thanh Nưa																462.963		
636	Son AKPEC P400	Thùng		Thùng			Cửa hàng Khiêm Vi, xã Thanh Nưa																518.690		
637	Son SENPEC - P500 (18 lít)	Thùng		Thùng			Cửa hàng Khiêm Vi, xã Thanh Nưa																750.171		
638	Son SENPEC - P505 (18 lít)	Thùng		Thùng			Cửa hàng Khiêm Vi, xã Thanh Nưa																840.192		
639	Bột bả, bột màu (bao 40kg)	Kg		Kg			Cửa hàng Khiêm Vi, xã Thanh Nưa																207.476		

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
	XI. VẬT TƯ NGÀNH NƯỚC																								
	Ống nhựa chịu nhiệt PN 10																								
640	Phi 20 x 2,3 mm	m						21.667	21.667												55.555		21.759		
641	Phi 25 x 2,3 mm	m						38.704	38.704												92.592		39.074		
642	Phi 32 x 2,9 mm	m						50.926	50.926												101.851				
643	Phi 40 x 3,7 mm	m						67.407	67.407												111.111				
644	Phi 50 x 4,6 mm	m						99.074	99.074												185.185				
645	Phi 63 x 5,8 mm	m						157.407	157.407																
646	Phi 75 x 6,8 mm	m						219.444	219.444																
647	Phi 90 x 8,2 mm	m						319.444	319.444																
648	Phi 110 x 10,0 mm	m						633.333	633.333																
	Ống nhựa chịu nhiệt PN 20																								
649	Phi 20 x 3,4 mm	m						25.926	25.926												60.000				
650	Phi 25 x 4,2 mm	m						47.315	47.315												92.592				
651	Phi 32 x 5,4 mm	m						69.074	69.074												138.888				
652	Phi 40 x 6,7 mm	m						106.944	106.944																
653	Phi 50 x 8,3 mm	m						166.296	166.296																
654	Phi 63 x 10,5 mm	m						262.500	262.500																
655	Phi 75 x 12,5 mm	m						372.222	372.222																
656	Phi 90 x 15 mm	m						542.407	542.407																
657	Phi 110 x 18,3 mm	m						803.056	803.056																
	Ống tránh																								
658	Phi 20	m						13.889	13.889												4.629				
659	Phi 25	m						23.148	23.148												9.259				
	Cút 90 độ																								
660	Phi 20	chiếc						5.370	5.370												4.630				
661	Phi 25	chiếc						7.130	7.130												7.407				
662	Phi 32	chiếc						12.407	12.407												9.259				
663	Phi 40	chiếc						20.556	20.556																
664	Phi 50	chiếc						35.741	35.741												37.037				
665	Phi 63	chiếc						109.537	109.537																
666	Phi 75	chiếc						142.870	142.870																
667	Phi 90	chiếc						224.259	224.259																
668	Phi 110	chiếc						405.000	405.000																
	Ống nhựa PVC (Tiền Phong)																								
669	Phi 21	m						6.296	6.296			11.111								8.750	35.185	9.259	5.556		
670	Phi 27	m						7.333	7.333			13.889								12.000	46.296	12.037			
671	Phi 34	m						8.264	8.264			20.370								15.500	50.925				
672	Phi 42	m																					13.148		
673	Phi 48	m						14.815	14.815												55.555		15.370		

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuấn Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Áng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
674	Phi 60	m						21.296	21.296			29.630								18.000	83.333				
675	Phi 75	m						22.685	22.685			46.481									111.111				
676	Phi 90	m						35.556	35.556			61.111								36.250		27.778			
677	Phi 110	m						50.278	50.278			70.370								55.000		46.296			
	Ống nhựa HDPE																								
678	Ống nhựa HDPEPN8 phi 40 dày 2mm	m										20.182										9.259			
679	Ống nhựa HDPEPN8 phi 50 dày 2,4mm	m										31.364										12.037			
680	Ống nhựa HDPEPN10 phi 32 dày 2mm	m						50.926				15.727										6.481			
681	Ống nhựa HDPEPN10 phi 40 dày 2,4mm	m						67.407														8.333			
682	Ống nhựa HDPEPN10 phi 50 dày 3mm	m						99.074														13.889			
	Chéch 45 độ																								
683	Phi 20	chiếc						4.444	4.444												4.629				
684	Phi 25	chiếc						7.130	7.130												5.555				
685	Phi 32	chiếc						10.741	10.741												6.481				
686	Phi 40	chiếc						21.389	21.389												7.407				
687	Phi 50	chiếc						40.833	40.833												21.296				
688	Phi 63	chiếc						94.722	94.722																
689	Phi 75	chiếc						143.796	143.796																
690	Phi 90	chiếc						179.352	179.352			25.926													
691	Phi 110	chiếc						298.241	298.241			41.667													
692	Tê thu																								
693	Phi 25	chiếc						9.722	9.722			32.727									9.259				
694	Phi 32	chiếc						17.130	17.130			38.000									11.111				
695	Phi 40	chiếc						37.685	37.685			73.455													
696	Phi 50	chiếc						66.944	66.944			117.273													
697	Phi 63	chiếc						116.389	116.389			12.037													
698	Phi 75	chiếc						159.352	159.352																
699	Phi 90	chiếc						248.333	248.333			394.545													
700	Phi 110	chiếc						419.352	419.352			784.545													
	Bít																								
701	Phi 20	chiếc						2.685	2.685												4.629				
702	Phi 25	chiếc						4.630	4.630												5.555				
703	Phi 32	chiếc						6.296	6.296																
704	Phi 40	chiếc						9.074	9.074																
705	Ống nước Hòa Phát (Ống Thép mạ Kẽm)	m		ĐK 20, dày 1,4mm				16.267	16.267												-				

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luôn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
706	Ông nước Hòa Phát (Ông Thép mạ Kẽm)	m		ĐK 25, dây 1,4mm				20.843	20.843																
707	Ông nước Hòa Phát (Ông Thép mạ Kẽm)	m		ĐK 32, dây 1,4mm				26.520	26.520																
708	Ông nước Hòa Phát (Ông Thép mạ Kẽm)	m		ĐK 76, dây 1,4mm				60.073	60.073																
709	Ông nước Hòa Phát (Ông Thép mạ Kẽm)	m		ĐK 15, dây 1,9 mm								90.741											24.074		
710	Cút nhiệt phi 25	cái																		10.000					
711	Cút nhiệt phi 50	cái																		15.000					
712	Cút nhựa PVC phi 21	cái										7.407								5.000					
713	Cút nhựa PVC phi 27	cái										8.333								6.000					
714	Cút nhựa PVC phi 34	cái										10.185								7.000					
715	Cút nhựa PVC phi 60	cái										12.037								10.000					
716	Cút nhựa PVC phi 90	cái										32.407								15.000					
717	Cút nhựa PVC phi 110	cái										51.852								18.000					
718	Màng sông nhiệt phi 25	cái																		10.000					
719	Màng sông nhiệt phi 50	cái																		15.000					
720	Màng sông PVC phi 21	cái																		5.000					
721	Màng sông PVC phi 27	cái																		6.000					
722	Màng sông PVC phi 34	cái																		7.000					
723	Màng sông PVC phi 60	cái																		10.000					
724	Màng sông PVC phi 90	cái																		15.000					
725	Màng sông PVC phi 110	cái																		18.000					
726	Tê nhiệt phi 25	cái																		10.000					
727	Tê nhiệt phi 50	cái																		25.000					
728	Tê nhựa PVC phi 21	cái										7.407								5.000					
729	Tê nhựa PVC phi 27	cái										8.333								6.000					
730	Tê nhựa PVC phi 34	cái										10.185								7.000					
731	Tê nhựa PVC phi 60	cái										12.037								12.000					
732	Tê nhựa PVC phi 90	cái										32.407								25.000					
733	Tê nhựa PVC phi 110	cái										54.630								35.000					
734	vòi rửa các loại	bộ																		450.000					

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuấn Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luôn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
735	Chậu rửa các loại	bộ																		350.000			263.889		
736	Chậu tiểu nam	bộ																		465.000			564.815		
737	Xi bết VL	bộ																		750.000					
738	Xi bết HC	bộ																		1.200.000			1.662.037		
739	Bình nước nóng INOX	bộ	ISO 9001:2000	TA8 160	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SĐT: 0976.486.383		7.862.727																
740	Bình nước nóng INOX	bộ	ISO 9001:2000	TA8 180	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SĐT: 0976.486.383		8.180.909																
741	Bình nước nóng INOX	bộ	ISO 9001:2000	TA8 200	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SĐT: 0976.486.383		9.090.000																
742	Bình nước nóng INOX	bộ	ISO 9001:2000	TA8 230	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SĐT: 0976.486.383		10.544.545																
743	Bình nước nóng INOX	bộ	ISO 9001:2000	TA8 260	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SĐT: 0976.486.383		11.362.727																
744	Bình nước nóng ARITON TI-TECH-PRO	bình		15 L			Cửa hàng Doanh Hương, xã Tuấn Giáo ĐT: 0230.3863.846					2.272.727													
745	Bình nước nóng ARITON TI-TECH-PRO	bình		30L			Cửa hàng Doanh Hương, xã Tuấn Giáo ĐT: 0230.3863.846					2.636.364													
746	Sản phẩm máy lọc nước	chiếc		Loại 7 lõi	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SĐT: 0976.486.383		5.681.818																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luôn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
747	Sản phẩm máy lọc nước	chiếc		Loại 8 lõi	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuần An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		5.772.727																
748	Sản phẩm máy lọc nước	chiếc		Loại 9 lõi - New - Ko UV	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuần An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		5.954.545																
749	Bồn đứng	cái		TA 300EX	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuần An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		1.288.000																
750	Bồn đứng	cái		TA 400EX	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuần An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		1.518.000																
751	Bồn đứng	cái		TA 500EX	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuần An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		1.794.000																
752	Bồn đứng	cái		TA 700EX	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuần An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		2.208.000																
753	Bồn đứng	cái		TA 1000EX	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuần An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		2.760.000																
754	Bồn đứng	cái		TA 1500EX	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuần An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		3.404.000																
755	Bồn đứng	cái		TA 2000EX	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuần An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		4.416.000																
756	Bồn đứng	cái		TA 3000EX	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuần An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		7.176.000																
757	Bồn đứng	cái		TA 4000EX	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuần An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		9.016.000																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
758	Bồn đứng	cái		TA 5000EX	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuần An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		10.856.000																
759	Bồn đứng	cái		Bồn Inox 500	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuần An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		1.590.909																
760	Bồn đứng	cái		Bồn Inox 700	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuần An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		1.818.182																
761	Bồn đứng	cái		Bồn Inox 1000	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuần An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		2.818.182																
762	Bồn đứng	cái		Bồn Inox 1500	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuần An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		3.500.000																
763	Bồn đứng	cái		Bồn Inox 2000	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuần An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		4.545.455																
764	Bồn ngang	cái		TA 300EX	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuần An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		1.426.000																
765	Bồn ngang	cái		TA 400EX	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuần An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		1.644.960																
766	Bồn ngang	cái		TA 500EX	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuần An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		1.933.840																
767	Bồn ngang	cái		TA 700EX	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuần An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		2.403.040																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luôn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
768	Bồn ngang	cái		TA 1000EX	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuần An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		3.074.640																
769	Bồn ngang	cái		TA 1500EX	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuần An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		3.772.000																
770	Bồn ngang	cái		TA 2000EX	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuần An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		4.876.000																
771	Bồn ngang	cái		Bồn Inox 500	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuần An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		1.772.727																
772	Bồn ngang	cái		Bồn Inox 700	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuần An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		2.000.000																
773	Bồn ngang	cái		Bồn Inox 1000	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuần An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		2.909.091																
774	Bồn ngang	cái		Bồn Inox 1500	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuần An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		3.818.182																
775	Bồn ngang	cái		Bồn Inox 2000	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuần An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		4.909.091																
776	Bình nước nóng ROSSI kinh tế	Cái		Bình 15L	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuần An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		2.826.364																
777	Bình nước nóng ROSSI kinh tế	Cái		Bình 20L	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuần An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		2.917.273																
778	Bình nước nóng ROSSI kinh tế	Cái		Bình 30L	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuần An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		3.053.636																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuấn Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
779	Bình vuông	Cái		Bình 15L	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		2.599.091																
780	Bình vuông	Cái		Bình 20L	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		2.690.000																
781	Bình vuông	Cái		Bình 30L	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		2.826.364																
782	Bình ngang	Cái		Bình 15L	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		3.235.455																
783	Bình ngang	Cái		Bình 20L	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		3.326.364																
784	Bình ngang	Cái		Bình 30L	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		3.462.727																
785	Bình vuông	Cái		Bình 15L	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		3.008.182																
786	Bình vuông	Cái		Bình 20L	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		3.099.091																
787	Bình vuông	Cái		Bình 30L	Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Giá đã bao gồm phụ kiện, chưa bao gồm chi phí lắp đặt	Nhà phân phối: Tuấn An, Đội 4B, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên SDT: 0976.486.383		3.235.455																
788	Bồn đứng	cái		1200L	Tập đoàn Tân Á Đại Thành		Cửa hàng Doanh Hương, xã Tuấn Giáo ĐT: 0230.3863.846					2.618.182													
789	Bồn đứng	cái		1500L	Tập đoàn Tân Á Đại Thành		Cửa hàng Doanh Hương, xã Tuấn Giáo ĐT: 0230.3863.846					3.272.727													
790	Bồn đứng	cái		2000L	Tập đoàn Tân Á Đại Thành		Cửa hàng Doanh Hương, xã Tuấn Giáo ĐT: 0230.3863.846					4.363.636													

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
791	Bồn ngang	cái		1200L	Tập đoàn Tân Á Đại Thành		Cửa hàng Doanh Hương, xã Tuần Giáo ĐT: 0230.3863.846					2.836.364													
792	Bồn ngang	cái		1500L	Tập đoàn Tân Á Đại Thành		Cửa hàng Doanh Hương, xã Tuần Giáo ĐT: 0230.3863.846					3.545.455													
793	Bồn ngang	cái		2000L	Tập đoàn Tân Á Đại Thành		Cửa hàng Doanh Hương, xã Tuần Giáo ĐT: 0230.3863.846					4.727.273													
794	Bình nước nóng Arizon ti tech pro 30 lít	cái																					2.685.185		
795	Bồn inox đứng 500L	Cái		Bồn 500L																		1.388.889			
796	Bồn inox đứng 1000L	Cái		Bồn 1000L																		1.851.852			
797	Bồn inox đứng 1500L	Cái		Bồn 1500L																		2.777.778			
798	Bồn inox đứng 2000L	Cái		Bồn 2000L																		3.703.704			
799	Bồn inox đứng 1000L	Cái		Bồn 1000L																		1.851.852			
800	Bồn inox đứng 1500L	Cái		Bồn 1500L																		2.777.778			
801	Bồn bê phốt nhựa đứng 1000L	Cái		Bồn 1000L																		3.240.741			
802	Bồn bê phốt nhựa đứng 1500L	Cái		Bồn 1500L																		4.629.630			
803	Thiết bị vệ sinh Selta	Bộ		Bệt SELTA Hàn Quốc 19 gat	Công ty TNHH Selta Việt Nam			1.137.500	1.137.500																
804	Thiết bị vệ sinh Selta	Bộ		Bệt SELTA Hàn Quốc 19 nhần	Công ty TNHH Selta Việt Nam			1.400.000	1.400.000																
805	Thiết bị vệ sinh Selta	Cái		Chậu SELTA Hàn Quốc	Công ty TNHH Selta Việt Nam			262.500	262.500																
806	Thiết bị vệ sinh Selta	Cái		Chậu VIGLACERA	Công ty TNHH Selta Việt Nam			236.250	236.250																
807	Thiết bị vệ sinh Selta	Cái		Tiểu SELTA Hàn Quốc	Công ty TNHH Selta Việt Nam			262.500	262.500																
808	Thiết bị vệ sinh Selta	Cái		Tiểu VIGLACERA	Công ty TNHH Selta Việt Nam			218.750	218.750																
809	Thiết bị vệ sinh Selta	Cái		Chân chậu VIGLACERA	Công ty TNHH Selta Việt Nam			262.500	262.500																
810	Thiết bị vệ sinh Selta	Cái		Chân chậu SELTA Hàn Quốc	Công ty TNHH Selta Việt Nam			262.500	262.500																
811	Thiết bị vệ sinh Selta	Bộ		Sen SELTA Hàn Quốc	Công ty TNHH Selta Việt Nam			1.137.500	1.137.500																
812	Thiết bị vệ sinh Selta	Bộ		Sen LG	Công ty TNHH Selta Việt Nam			525.000	525.000																
813	Thiết bị vệ sinh Selta	Bộ		Van tiểu Nam SELTA	Công ty TNHH Selta Việt Nam			568.750	568.750																
814	Thiết bị vệ sinh Selta	Bộ		Van tiểu nữ SELTA	Công ty TNHH Selta Việt Nam			586.250	586.250																
815	Thiết bị vệ sinh Selta	Sợi		Dây cáp SELTA	Công ty TNHH Selta Việt Nam			30.625	30.625																
816	Thiết bị vệ sinh Selta	Bộ		Guong SELTA	Công ty TNHH Selta Việt Nam			568.750	568.750																
817	Bồn nước loại đứng	Cái		Bồn SH Inox 500 lít đứng	Tập đoàn Sơn Hà		(Van phao+van xả đáy, không bao gồm công lắp đặt)	1.636.364	1.636.364																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuấn Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
818	Bồn nước loại đứng	Cái		Bồn SH Inox 700 lít đứng	Tập đoàn Sơn Hà		(Van phao+van xả đáy, không bao gồm công lắp đặt)	1.863.636	1.863.636																
819	Bồn nước loại đứng	Cái		Bồn SH Inox 1000 lít đứng	Tập đoàn Sơn Hà		(Van phao+van xả đáy, không bao gồm công lắp đặt)	2.363.636	2.363.636																
820	Bồn nước loại đứng	Cái		Bồn SH Inox 1200 lít đứng	Tập đoàn Sơn Hà		(Van phao+van xả đáy, không bao gồm công lắp đặt)	2.954.545	2.954.545																
821	Bồn nước loại đứng	Cái		Bồn SH Inox 1500 lít đứng	Tập đoàn Sơn Hà		(Van phao+van xả đáy, không bao gồm công lắp đặt)	3.590.909	3.590.909																
822	Bồn nước loại đứng	Cái		Bồn SH Inox 2000 lít đứng	Tập đoàn Sơn Hà		(Van phao+van xả đáy, không bao gồm công lắp đặt)	4.636.364	4.636.364																
823	Bồn nước loại nằm ngang	Cái		Bồn SH Inox 500 lít ngang	Tập đoàn Sơn Hà		(Van phao+van xả đáy, không bao gồm công lắp đặt)	1.818.182	1.818.182																
824	Bồn nước loại nằm ngang	Cái		Bồn SH Inox 700 lít ngang	Tập đoàn Sơn Hà		(Van phao+van xả đáy, không bao gồm công lắp đặt)	2.045.455	2.045.455																
825	Bồn nước loại nằm ngang	Cái		Bồn SH Inox 1000 lít ngang	Tập đoàn Sơn Hà		(Van phao+van xả đáy, không bao gồm công lắp đặt)	2.545.455	2.545.455																
826	Bồn nước loại nằm ngang	Cái		Bồn SH Inox 1200 lít ngang	Tập đoàn Sơn Hà		(Van phao+van xả đáy, không bao gồm công lắp đặt)	3.136.364	3.136.364																
827	Bồn nước loại nằm ngang	Cái		Bồn SH Inox 1500 lít ngang	Tập đoàn Sơn Hà		(Van phao+van xả đáy, không bao gồm công lắp đặt)	3.818.182	3.818.182																
828	Bồn nước loại nằm ngang	Cái		Bồn SH Inox 2000 lít ngang	Tập đoàn Sơn Hà		(Van phao+van xả đáy, không bao gồm công lắp đặt)	4.909.091	4.909.091																
829	Bồn nước loại nằm ngang	Cái		Bồn SH Inox 2500 lít ngang	Tập đoàn Sơn Hà		(Van phao+van xả đáy, không bao gồm công lắp đặt)	6.409.091	6.409.091																
830	Bồn nước loại nằm ngang	Cái		Bồn SH Inox 3000 lít ngang	Tập đoàn Sơn Hà		(Van phao+van xả đáy, không bao gồm công lắp đặt)	7.500.000	7.500.000																
831	Bồn Tân Mỹ	Cái		Bồn nhựa Tân Mỹ 1000L đứng	Tập đoàn Sơn Hà		(Van phao+van xả đáy, không bao gồm công lắp đặt)	2.024.000	2.024.000																
832	Bồn Tân Mỹ	Cái		Bồn nhựa Tân Mỹ 700L đứng	Tập đoàn Sơn Hà		(Van phao+van xả đáy, không bao gồm công lắp đặt)	1.610.000	1.610.000																
833	Bồn Tân Mỹ	Cái		Bồn Inox Tân Mỹ 1000L đứng	Tập đoàn Sơn Hà		(Van phao+van xả đáy, không bao gồm công lắp đặt)	2.392.000	2.392.000																
834	Bồn Tân Mỹ	Cái		Bồn Inox Tân Mỹ 700L đứng	Tập đoàn Sơn Hà		(Van phao+van xả đáy, không bao gồm công lắp đặt)	1.886.000	1.886.000																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
835	Bồn Tân Mỹ	Cái		Bồn nhựa Tân Mỹ 1000L.nằm	Tập đoàn Sơn Hà		(Van phao+van xả đáy, không bao gồm công lắp đặt)	2.254.000	2.254.000																
836	Bồn Tân Mỹ	Cái		Bồn nhựa Tân Mỹ 700L.nằm	Tập đoàn Sơn Hà		(Van phao+van xả đáy, không bao gồm công lắp đặt)	1.702.000	1.702.000																
837	Bồn Tân Mỹ	Cái		Bồn Inox Tân Mỹ 1000L.nằm	Tập đoàn Sơn Hà		(Van phao+van xả đáy, không bao gồm công lắp đặt)	2.520.000	2.520.000																
838	Bồn Tân Mỹ	Cái		Bồn Inox Tân Mỹ 700L.nằm	Tập đoàn Sơn Hà		(Van phao+van xả đáy, không bao gồm công lắp đặt)	2.025.000	2.025.000																
839	Ống nước Hòa Phát (ống kẽm)	m		ĐK 15, dây 1,9	Tập đoàn Hòa Phát							25.909													
840	Ống nước Hòa Phát (ống kẽm)	m		ĐK 20, dây 2,1	Tập đoàn Hòa Phát							33.182													
841	Ống nước Hòa Phát (ống kẽm)	m		ĐK 25, dây 2,3	Tập đoàn Hòa Phát							40.455													
842	Ống nước Hòa Phát (ống kẽm)	m		ĐK 32, dây 2,4	Tập đoàn Hòa Phát							49.091													
843	Ống nước Hòa Phát (ống kẽm)	m		ĐK 40, dây 2,5	Tập đoàn Hòa Phát							59.091													
844	Ống nước Hòa Phát (ống kẽm)	m		ĐK 50, dây 2,6	Tập đoàn Hòa Phát							72.727													
845	ỐNG NHỰA U. PVC - DEKKO	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	Phi 21 chiều dây 1,0mm PN bar 4,0	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà							9.200													
846	ỐNG NHỰA U. PVC - DEKKO	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	Phi 27 chiều dây 1,0mm PN bar 4,0	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà							11.960													
847	ỐNG NHỰA U. PVC - DEKKO	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	Phi 34 chiều dây 1,0mm PN bar 4,0	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà							16.560													
848	ỐNG NHỰA U. PVC - DEKKO	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	Phi 60 chiều dây 1,4mm PN bar 4,0	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà							20.240													
849	ỐNG NHỰA U. PVC - DEKKO	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	Phi 75 chiều dây 1,5mm PN bar 4,0	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà							46.184													
850	ỐNG NHỰA U. PVC - DEKKO	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	Phi 90 chiều dây 1,5mm PN bar 3,0	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà							60.720													
851	ỐNG NHỰA U. PVC - DEKKO	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	Phi 110 chiều dây 1,9mm PN bar 3,0	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà							69.920													
852	Ống HPDE PN6	m	ISO 4427-2:2007	D110	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; d/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																97.273		
853	Ống HPDE PN6	m	ISO 4427-2:2008	D125	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; d/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																125.818		

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
854	Ống HPDE PN6	m	ISO 4427-2-2009	D140	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; d/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																157.909		
855	Ống HPDE PN6	m	ISO 4427-2-2010	D160	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; d/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																206.909		
856	Ống HPDE PN6	m	ISO 4427-2-2011	D180	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; d/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																258.545		
857	Ống HPDE PN6	m	ISO 4427-2-2012	D200	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; d/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																321.091		
858	Ống HPDE PN6	m	ISO 4427-2-2013	D225	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; d/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																402.818		
859	Ống HPDE PN6	m	ISO 4427-2-2014	D250	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; d/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																499.000		
860	Ống HPDE PN6	m	ISO 4427-2-2015	D280	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; d/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																618.818		
861	Ống HPDE PN6	m	ISO 4427-2-2016	D315	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; d/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																789.091		
862	Ống HPDE PN6	m	ISO 4427-2-2017	D355	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; d/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																1.002.273		

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
863	Ống HPDE PN6	m	ISO 4427-2-2017	D400	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; d/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																1.264.455		
864	Ống HPDE PN8	m	ISO 4427-2-2017	D40	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; d/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																16.636		
865	Ống HPDE PN8	m	ISO 4427-2-2017	D50	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; d/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																25.818		
866	Ống HPDE PN8	m	ISO 4427-2-2017	D63	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; d/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																40.091		
867	Ống HPDE PN8	m	ISO 4427-2-2017	D75	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; d/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																57.000		
868	Ống HPDE PN8	m	ISO 4427-2-2017	D90	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; d/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																90.000		
869	Ống HPDE PN8	m	ISO 4427-2-2017	D110	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; d/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																120.818		
870	Ống HPDE PN8	m	ISO 4427-2-2017	D125	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; d/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																156.000		
871	Ống HPDE PN8	m	ISO 4427-2-2017	D140	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; d/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																194.273		

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
872	Ống HPDE PN8	m	ISO 4427-2-2017	D160	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; d/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																255.091		
873	Ống HPDE PN8	m	ISO 4427-2-2017	D180	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; d/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																321.182		
874	Ống HPDE PN8	m	ISO 4427-2-2017	D200	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; d/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																400.091		
875	Ống HPDE PN8	m	ISO 4427-2-2017	D225	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; d/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																503.818		
876	Ống HPDE PN8	m	ISO 4427-2-2017	D250	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; d/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																614.818		
877	Ống HPDE PN8	m	ISO 4427-2-2017	D280	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; d/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																784.273		
878	Ống HPDE PN8	m	ISO 4427-2-2017	D315	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; d/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																982.455		
879	Ống HPDE PN8	m	ISO 4427-2-2017	D355	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; d/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																1.235.455		
880	Ống HPDE PN8	m	ISO 4427-2-2017	D400	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; d/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																1.584.364		

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhé	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
881	Ống HPDE PN10	m	ISO 4427-2-2017	D32	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; d/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																13.182		
882	Ống HPDE PN10	m	ISO 4427-2-2017	D40	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; d/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																20.091		
883	Ống HPDE PN10	m	ISO 4427-2-2017	D50	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; d/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																30.818		
884	Ống HPDE PN10	m	ISO 4427-2-2017	D63	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; d/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																49.273		
885	Ống HPDE PN10	m	ISO 4427-2-2017	D75	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; d/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																70.273		
886	Ống HPDE PN10	m	ISO 4427-2-2017	D90	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; d/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																99.727		
887	Ống HPDE PN10	m	ISO 4427-2-2017	D110	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; d/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																151.091		
888	Ống HPDE PN10	m	ISO 4427-2-2017	D125	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; d/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																156.000		
889	Ống HPDE PN10	m	ISO 4427-2-2017	D140	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; d/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																238.091		

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhé	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
890	Ống HPDE PN10	m	ISO 4427-2-2017	D160	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát	55	NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; d/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																312.909		
891	Ống HPDE PN10	m	ISO 4427-2-2017	D180	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát	61	NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; d/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																393.909		
892	Ống HPDE PN10	m	ISO 4427-2-2017	D200	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; d/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																493.636		
893	Ống HPDE PN10	m	ISO 4427-2-2017	D225	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; d/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																606.727		
894	Ống HPDE PN10	m	ISO 4427-2-2017	D250	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; d/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																751.727		
895	Ống HPDE PN10	m	ISO 4427-2-2017	D280	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; d/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																936.636		
896	Ống HPDE PN10	m	ISO 4427-2-2017	D315	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; d/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																1.192.727		
897	Ống HPDE PN10	m	ISO 4427-2-2017	D355	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; d/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																1.515.727		
898	Ống HPDE PN10	m	ISO 4427-2-2017	D400	Công ty cổ phần nhựa An Thịnh Phát		NPP: Hộ kinh doanh Đặng Anh Tuấn; d/c: Thôn Thanh Chung, Xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên; sdt: 0896.010.111																1.926.000		

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhé	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luông	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
899	Bê-t 2 nút nhấn	Bộ					Cửa hàng Doanh Hương, xã Tuần Giáo \ĐT: 0230.3863.846					3.333.333													
900	Xịt xi	Bộ					Cửa hàng Doanh Hương, xã Tuần Giáo \ĐT: 0230.3863.846					166.667													
901	Tiểu nữ HC + van + Xiphong (cảm ứng)	cái					Cửa hàng Doanh Hương, xã Tuần Giáo \ĐT: 0230.3863.846					11.111.111													
902	Tiểu nam HC + van + Xiphong	bộ					Cửa hàng Doanh Hương, xã Tuần Giáo \ĐT: 0230.3863.846					2.314.814													
903	Chậu rửa mặt	cái					Cửa hàng Doanh Hương, xã Tuần Giáo \ĐT: 0230.3863.846					1.111.111													
904	Chân chậu	cái					Cửa hàng Doanh Hương, xã Tuần Giáo \ĐT: 0230.3863.846					740.740													
905	Xi phông chậu	cái					Cửa hàng Doanh Hương, xã Tuần Giáo \ĐT: 0230.3863.846					81.991													
906	Vòi chậu nóng, lạnh	bộ					Cửa hàng Doanh Hương, xã Tuần Giáo \ĐT: 0230.3863.846					2.314.815													
907	Vòi chậu 1 lỗ Joden + dây cáp	bộ					Cửa hàng Doanh Hương, xã Tuần Giáo \ĐT: 0230.3863.846					2.314.815													
908	sen tắm	bộ					Cửa hàng Doanh Hương, xã Tuần Giáo \ĐT: 0230.3863.846					2.314.815													
	XIL VẬT TƯ NGÀNH ĐIỆN																								
909	Dây điện Trần phủ 2x6	m						40.741	40.741												41.667	23.148			
910	Dây điện Trần phủ 2x4	m						27.778	27.778			31.111							25.000	22.000	28.120				
911	Dây điện Trần phủ 2x2,5	m						19.444	19.444			21.194							18.000	15.000	18.518	13.889			
912	Dây điện Trần phủ 2x1,5	m						12.037	12.037			13.611							11.000	11.000	11.111	9.259			
913	Dây điện Trần phủ 2x1,0	m						9.259	9.259										7.000		8.333				
914	Dây điện Trần phủ 2x0,75	m						6.944	6.944			7.778									6.481	5.556			
915	Dây dẫn CXV 1x50	m																					180.245		
916	Dây dẫn CXV 1x70	m																					256.481		
917	Dây đồng đơn CV 1x1.5 (V-75)	m																					6.759		
918	Dây đồng đơn CV 1x2.5 (V-75)	m																					10.648		
919	Dây điện vinakip 2x1.5mm	m																		11.000					
920	Dây điện vinakip 2x2.5mm	m																		15.000					
921	Dây điện vinakip 2x4mm	m																		22.000					

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
922	Công tắc mặt 4 lỗ S184/X	m																					15.278		
923	Công tắc mặt 1 lỗ S181/X	m																					9.722		
924	Công tắc mặt 2 lỗ S182/X	m																					9.722		
925	Công tắc mặt 3 lỗ S183/X	m																					9.722		
926	Bóng Típ Rạng Đông 1,2m 18W	m						37.037	37.037														46.296		
927	Bóng Típ Rạng Đông 0,6m 12W	bộ						27.778	27.778																
928	Bóng Típ Rạng Đông Led-1,2m 18W	bộ						60.185	60.185																
929	Bóng Típ Rạng Đông Led - 0,6m 12W	bộ						46.296	46.296																
930	BÓNG ĐIỆN, CÔNG TẮC ĐIỆN	cái		Bóng điện tròn (Rạng Đông)																					
931	BÓNG ĐIỆN, CÔNG TẮC ĐIỆN	cái		Công tắc điện đôi (VN)																20.000					
932	BÓNG ĐIỆN, CÔNG TẮC ĐIỆN	cái		Công tắc điện đơn (VN)																10.000					
933	CÁC LOẠI BÓNG ĐIỆN VN (Rạng Đông)	bóng		Bóng điện tròn 25-100 W																				36.800	
934	CÁC LOẠI BÓNG ĐIỆN VN (Rạng Đông)	bộ		Bóng điện tuýp dài 1,2m -32w																				110.400	
935	CÁC LOẠI BÓNG ĐIỆN VN (Rạng Đông)	bộ		Bóng điện tiết kiệm điện 11 w																					18.400
936	CÁC LOẠI BÓNG ĐIỆN VN (Rạng Đông)	bóng		Bóng điện tiết kiệm điện 15-20 w																					27.600
937	CÁC LOẠI BÓNG ĐIỆN VN (Rạng Đông)	bóng		Bóng đèn LED 50w																					257.600
938	Bóng Compac Rạng Đông 20W, 40W	bóng		20W, 40W																					32.407
939	Bóng đèn Led tròn 30w	bóng		Bóng đèn LED 30w																50.000					
940	Bóng đèn Led tròn 40W	bóng		Bóng đèn LED 40w																65.000					
941	BÓNG ĐIỆN (PhilIp)	cái		Bóng điện tuýp dài 1,2m																				119.600	
942	Aptomat 1P 20A, 10A	cái		10A, 20A								61.111													
943	Aptomat 1P 50A	cái		50A								142.593													
944	Aptomat 1P 100A/10KA	cái		100A								288.889													
945	APTOMAT AB042 (10T-30T)	cái		AB042 (10T-30T)																			64.065		
946	Công tắc đơn	cái																	6.481	10.000					
947	Công tắc đôi	cái																		20.000					
948	Cầu dao 3 pha 30A	cái																		95.000					
949	Cầu dao 3 pha 60A	cái																		125.000					
950	Cầu dao 2 pha 60A	cái																		90.000					
951	Cầu dao 2 pha 30A	cái																		60.000					
952	Cầu dao an toàn loại 10-15-20-25-30-40A (BS121a/10A, BS121a/15A, BS121a/20A, BS121a/25A, BS121a/30A, BS121a/40A)	cái																					47.222		

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tả ủa Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhé	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
953	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 7,5 - 2,5 KN phi ngon 160mm; phi góc 260mm; lực đầu cột 2,5 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		2.578.077
954	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 7,5 - 3,2 KN phi ngon 160mm; phi góc 260mm; lực đầu cột 3,2 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		2.778.714
955	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 7,5 - 3,8 KN phi ngon 160mm; phi góc 260mm; lực đầu cột 3,8 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		2.850.502
956	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 7,5 - 4,3 KN phi ngon 160mm; phi góc 260mm; lực đầu cột 4,3 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		2.885.625
957	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 8,5 - 2,5 KN phi ngon 160mm; phi góc 273mm; lực đầu cột 2,5 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		2.807.954
958	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 8,5 - 3,2 KN phi ngon 160mm; phi góc 273mm; lực đầu cột 3,2 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		2.952.420
959	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 8,5 - 4,3 KN phi ngon 160mm; phi góc 273mm; lực đầu cột 4,3 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		3.453.243
960	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 10 - 3,5 KN phi ngon 190mm; phi góc 323mm; lực đầu cột 3,5 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		3.725.239
961	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 10 - 4,3 KN phi ngon 190mm; phi góc 323mm; lực đầu cột 4,3 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		3.985.832
962	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 10 - 5,2 KN phi ngon 190mm; phi góc 323mm; lực đầu cột 5,2 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		4.097.488
963	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 10 - 6,8 KN phi ngon 190mm; phi góc 323mm; lực đầu cột 6,8 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		4.198.466

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
964	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 12 - 3,5 KN phi ngon 190mm; phi góc 350mm; lực đầu cột 3,5 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		4.465.799
965	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 12 - 4,3 KN phi ngon 190mm; phi góc 350mm; lực đầu cột 4,3 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		4.484.552
966	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 12 - 5,4 KN phi ngon 190mm; phi góc 350mm; lực đầu cột 5,4 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		5.478.223
967	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 12 - 7,2 KN phi ngon 190mm; phi góc 350mm; lực đầu cột 7,2 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		6.343.005
968	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 12 - 9 KN phi ngon 190mm; phi góc 350mm; lực đầu cột 9 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		7.976.915
969	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 12 - 10 KN phi ngon 190mm; phi góc 350mm; lực đầu cột 10 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		9.367.073
970	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 14 - 6,5 KN phi ngon 190mm; phi góc 350mm; lực đầu cột 6,5 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		12.281.526
971	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 14 - 8,5 KN phi ngon 190mm; phi góc 377mm; lực đầu cột 8,5 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		12.846.585
972	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 14 - 9,2 KN phi ngon 190mm; phi góc 377mm; lực đầu cột 9,2 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		12.993.133
973	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 14 - 11 KN phi ngon 190mm; phi góc 377mm; lực đầu cột 11 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		15.500.633
974	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 14 - 13 KN phi ngon 190mm; phi góc 377mm; lực đầu cột 13 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		16.803.765

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhé	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
975	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 16 - 9,2 KN phi ngon 190mm; phi góc 403mm; lực đầu cột 9,2 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		14.103.010
976	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 16 - 11 KN phi ngon 190mm; phi góc 403mm; lực đầu cột 11 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		16.764.314
977	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 16 - 13 KN phi ngon 190mm; phi góc 403mm; lực đầu cột 13 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		17.323.072
978	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 18 - 9,2 KN phi ngon 190mm; phi góc 430mm; lực đầu cột 9,2 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		15.537.146
979	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 18 - 12 KN phi ngon 190mm; phi góc 430mm; lực đầu cột 12 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		19.053.934
980	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 18 - 13 KN phi ngon 190mm; phi góc 430mm; lực đầu cột 13 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		20.443.587
981	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 20 - 9,2 KN phi ngon 190mm; phi góc 456mm; lực đầu cột 9,2 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		17.255.902
982	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 20 - 11 KN phi ngon 190mm; phi góc 456mm; lực đầu cột 11 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		20.994.390
983	Cột điện bê tông li tâm dự ứng lực (Cột tròn)	Cột	TCVN 5847:2016	Cột 20 - 13 KN phi ngon 190mm; phi góc 456mm; lực đầu cột 13 KN	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		23.562.966
984	Cọc bê tông Dự ứng lực D300 Class A	Cọc	TCVN 7888:2014	Cọc bê tông li tâm Dự ứng lực (PC)D300 Class A M=60MAP (có mũi cọc); L=8m	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		2.968.816
985	Cọc bê tông Dự ứng lực D300 Class A	Cọc	TCVN 7888:2014	Cọc bê tông li tâm Dự ứng lực (PC)D300 Class A M=60MAP (không mũi cọc); L=8m	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		2.696.278
986	Cột điện bê tông vuông các loại	Cột	TCVN 5847:2046	Loại cột H8,5A-230DAN (0,28 m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		2.638.575

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
987	Cột điện bê tông vuông các loại	Cột	TCVN 5847:2046	Loại cột H8,5B-360DAN (0,28 m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		2.895.820
988	Cột điện bê tông vuông các loại	Cột	TCVN 5847:2016	Loại cột H8,5C-460DAN (0,28 m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		3.156.303
989	Cột điện bê tông vuông các loại	Cột	TCVN 5847:2016	Loại cột H7,5A-230DAN (0,24 m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		2.475.007
990	Cột điện bê tông vuông các loại	Cột	TCVN 5847:2016	Loại cột H7,5B-360DAN (0,24 m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		2.701.173
991	Cột điện bê tông vuông các loại	Cột	TCVN 5847:2016	Loại cột H7,5C-460DAN (0,24 m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		2.773.115
992	Cột điện bê tông vuông các loại	Cột	TCVN 5847:2016	Loại cột H6,5A-230DAN (0,18 m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		2.489.476
993	Cột điện bê tông vuông các loại	Cột	TCVN 5847:2016	Loại cột H6,5B-360DAN (0,18 m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		2.460.795
994	Cột điện bê tông vuông các loại	Cột	TCVN 5847:2016	Loại cột H6,5C-460DAN (0,18 m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		2.512.065
995	Cột viễn thông bê tông li tâm dự ứng lực	Cột	TCVN 5847:2016	Loại cột 6B-R-65 (0,136 m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		2.393.992
996	Cột viễn thông bê tông li tâm dự ứng lực	Cột	TCVN 5847:2016	Loại cột 6B-R-95 (0,136 m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		2.460.542
997	Cột viễn thông bê tông li tâm dự ứng lực	Cột	TCVN 5847:2016	Loại cột 6B-R-125 (0,136 m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		2.620.139
998	Cột viễn thông bê tông li tâm dự ứng lực	Cột	TCVN 5847:2016	Loại cột 6B-R-155 (0,136 m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		3.418.807

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luôn	Xã Búng Lao	Xã Na Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Na Tấu
999	Cột viễn thông bê tông li tâm dự ứng lực	Cột	TCVN 5847:2016	Loại cột 7B-R-65 (0,168 m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Na Tấu, xã Na Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		2.557.166
1000	Cột viễn thông bê tông li tâm dự ứng lực	Cột	TCVN 5847:2016	Loại cột 7B-R-95 (0,168 m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Na Tấu, xã Na Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		2.791.016
1001	Cột viễn thông bê tông li tâm dự ứng lực	Cột	TCVN 5847:2016	Loại cột 7B-R-125 (0,168 m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Na Tấu, xã Na Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		2.803.602
1002	Cột viễn thông bê tông li tâm dự ứng lực	Cột	TCVN 5847:2016	Loại cột 7B-R-155 (0,168 m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Na Tấu, xã Na Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		3.402.407
1003	Cột viễn thông bê tông li tâm dự ứng lực	Cột	TCVN 5847:2016	Loại cột 7A-R-65 (0,168 m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Na Tấu, xã Na Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		2.618.363
1004	Cột viễn thông bê tông li tâm dự ứng lực	Cột	TCVN 5847:2016	Loại cột 7A-R-95 (0,168 m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Na Tấu, xã Na Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		2.900.514
1005	Cột viễn thông bê tông li tâm dự ứng lực	Cột	TCVN 5847:2016	Loại cột 7A-R-125 (0,168 m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Na Tấu, xã Na Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		3.367.905
1006	Cột viễn thông bê tông li tâm dự ứng lực	Cột	TCVN 5847:2016	Loại cột 7A-R-155 (0,168 m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Na Tấu, xã Na Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		3.614.386
1007	Cột viễn thông bê tông li tâm dự ứng lực	Cột	TCVN 5847:2016	Loại cột 8A-R-65 (0,2m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Na Tấu, xã Na Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		2.989.238
1008	Cột viễn thông bê tông li tâm dự ứng lực	Cột	TCVN 5847:2016	Loại cột 8A-R-95 (0,2m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Na Tấu, xã Na Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		3.130.598
1009	Cột viễn thông bê tông li tâm dự ứng lực	Cột	TCVN 5847:2016	Loại cột 8A-R-125 (0,2m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Na Tấu, xã Na Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		3.556.278
1010	Cột viễn thông bê tông li tâm dự ứng lực	Cột	TCVN 5847:2016	Loại cột 8A-R-155 (0,2m3)	Công ty cổ phần Trường Lộc tỉnh Điện Biên;	giá tại nơi sản xuất, giá trên phương tiện vận chuyển; chưa có chi phí vận chuyển	địa chỉ nơi sản xuất: Khu trại giam Na Tấu, xã Na Tấu, tỉnh Điện Biên; ĐT: 0975.081.919																		4.135.206

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhé	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
	Cáp đồng trần ủ mềm ép chặt ≥10mm2																								
1011	CF 10	m	TCVN 6612/5064	7/Compact	Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	523.500																	
1012	CF 16	m	TCVN 6612/5064	7/Compact	Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	517.653																	
1013	CF 25	m	TCVN 6612/5064	7/Compact	Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	517.574																	
	Cáp đồng Cu/PVC (Điện áp: 0.6/1 KV)																								
1014	CV 1x16 (V-75)	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1:2005		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	74.647																	
1015	CV 1x25 (V-75)	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1:2005		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	115.893																	
1016	CV 1x35 (V-75)	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1:2005		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	160.218																	
1017	CV 1x50 (V-75)	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1:2005		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	219.030																	
1018	CV 1x70 (V-75)	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1:2005		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	312.962																	
	Cáp đồng treo Cu/XLPE/PVC (Điện áp: 0.6/1 KV)																								
1019	CXV 1x185	m	37/compact		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	850.979																	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
1020	CXV 1x240	m	37/compact		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	1.120.114																	
1021	CXV 1x300	m	37/compact		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	1.400.890																	
1022	CXV 2x4	m	7/0.85		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	43.990																	
1023	CXV 2x6	m	7/1.04		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	65.087																	
1024	CXV 2x10	m	7/compact		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	102.646																	
1025	CXV 3x10+1x6	m	7/Compact		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	181.801																	
1026	CXV 3x16+1x10	m	7/Compact		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	283.435																	
1027	CXV 3x25+1x16	m	7/Compact		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	437.531																	
1028	CXV 3x35+1x16	m	7/Compact		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	572.236																	
1029	CXV 3x50+1x35	m	7/Compact		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	841.045																	
1030	CXV 3x70+1x50	m	19/Compact		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	1.188.774																	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
1031	CXV 3x95+1x50	m	19/Compact		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	1.545.121																	
1032	CXV 4x10	m	7/compact		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	200.797																	
1033	CXV 4x16	m	7/compact		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	308.048																	
1034	CXV 4x25	m	7/compact		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	480.463																	
1035	CXV 4x35	m	7/compact		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	660.798																	
1036	CXV 4x50	m	7/compact		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	900.520																	
	Cáp chống cháy Cu/Mica/XLPE/Fr-PVC (Điện áp: 0.6/1 KV)																								
1037	FRN-CXV 2x4.0 (Đặc)	m	7/0.85		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	55.720																	
1038	FRN-CXV 2x6.0	m	7/1.04		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	76.562																	
1039	FRN-CXV 3x6.0+1x4.0	m	7/1.04		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	133.873																	
1040	FRN-CXV 3x10x1x6.0	m	7/compact		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	204.786																	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sính Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
1041	FRN-CXV 4x2.5	m	7/0.67		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	72.328																	
1042	FRN-CXV 4x4.0	m	7/0.85		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	103.308																	
1043	FRN-CXV 4x6.0	m	7/1.04		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	144.133																	
1044	FRN-CXV 4x10	m	7/compact		Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	214.600																	
	Dây đơn mềm Cu/PVC (Điện áp: 450/750V)																								
1045	VCSF 1x1.5	m	TCVN 6610-3	30/0.24	Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	7.121																	
1046	VCSF 1x2.5	m	TCVN 6610-3	50/0.24	Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	11.670																	
1047	VCSF 1x4.0	m	TCVN 6610-3	52/0.3	Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	18.657																	
1048	VCSF 1x6.0	m	TCVN 6610-3	80/0.3	Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	28.607																	
1049	VCSF 1x10.0	m	TCVN 6610-3	140/0.3	Công ty Cổ phần dây và cáp điện Thương Đình (CADISUN)		Công ty TNHH thiết bị điện HH; Tổ 1, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. 0973655099	50.550																	
1050	Led bulb nhựa 9W ánh sáng trắng (T/ vàng (V) LBD-9T/ V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 100 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vỹ Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																44.444		

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
1051	Led bulb nhựa 12W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) LBD-12T/ V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 80 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																55.556		
1052	Led Panel Âm trần- Tròn 7W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N)/ vàng (V) RPL3-7T/N/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 60 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																96.759		
1053	Led Panel Âm trần- Tròn 12W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N)/ vàng (V) RPL3-12T/N/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																138.704		
1054	Led Panel Âm trần- Tròn 18W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N)/ vàng (V) RPL-18T/N/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 20 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																279.167		
1055	Led Panel Âm trần- Vuông 6W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N)/ vàng (V) SPL-6T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 60 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																113.796		
1056	Led Panel Âm trần- Vuông 9W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N)/ vàng (V) SPL-9T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																147.407		
1057	Led Panel Âm trần- Tròn (DOB, lắp âm & nổi) 6W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) RPE-6T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 60 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																96.759		
1058	Led Panel Âm trần- Tròn (DOB, lắp âm & nổi) 9W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) RPE-9T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 60 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																107.315		
1059	Led Panel Âm trần- Tròn (DOB, lắp âm & nổi) 12W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) RPE-12T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																138.704		

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
1060	Led Panel Âm trần- Tròn (DOB, lắp âm & nổi) 18W ánh sáng trắng (T)/vàng (V) RPE-18T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 20 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																189.537		
1061	Led Panel đa năng 12W 3 màu MRPL-12/3C	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																314.722		
1062	Led Panel đa năng 18W 3 màu MRPL-18/3C	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 20 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																443.426		
1063	Led Downlight âm trần 6W ánh sáng trắng (T)/vàng (V) DLEL-6T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																69.815		
1064	Led Downlight âm trần 9W ánh sáng trắng (T)/vàng (V) DLEL-9T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 30 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																82.130		
1065	LBD3-7T	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 20 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																37.685		
1066	Led Downlight âm trần 18W ánh sáng trắng (T)/vàng (V) DLEL-18T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 10 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																185.370		
1067	Led Panel ốp trần- Tròn (DOB) 12W ánh sáng trắng (T)/vàng (V) SRPL2-12T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 30 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																109.630		
1068	Led Panel ốp trần- Tròn (DOB) 18W ánh sáng trắng (T)/vàng (V) SRPL2-18T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 20 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																150.185		

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
1069	Led Panel ốp trần- Vuông (DOB) 12W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SSPL2-12T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 30 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																195.926		
1070	Led Panel ốp trần- Vuông (DOB) 18W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SSPL2-18T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 20 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																262.315		
1071	Led Panel ốp trần- Vuông (DOB) 24W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SSPL2-24T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 10 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																361.204		
1072	Led chiếu điểm (Gắn ray) 8W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) / trung tính (N) TSL2-8T/V/N	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 10 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																246.759		
1073	Led chiếu điểm (Gắn ray) 12W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) / trung tính (N) TSL2-12T/V/N	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 10 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																294.722		
1074	Led chiếu điểm (Gắn nổi) 7W SSL-7V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																370.926		
1075	Led chiếu điểm (Gắn nổi) 12W SSL-12V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																401.296		
1076	Led ống bơ 12W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SDL-12T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																464.259		
1077	Led ống bơ 18W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SDL-18T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																781.481		

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
1078	Led ống bơ 24W ánh sáng trắng (T/ vàng (V) SDL-18T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																869.167		
1079	Led Downlight âm trần (Dạng hộp, vuông) 2x7W ánh sáng trắng (T/ trung tính (N)/ vàng (V) DLS-207T/N/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																693.796		
1080	Led tấm 20W 300x300x35mm ánh sáng trắng (T/ trung tính (N) FPD-3030T/N	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 5 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																455.278		
1081	Led tấm 40W 600x600x35mm ánh sáng trắng (T/ trung tính (N) FPD-6060T/N	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 5 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																722.963		
1082	Led tấm 20W 300x300x35mm ánh sáng trắng (T/ trung tính (N) FPD3-3030T/N	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 10 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																455.278		
1083	Led tấm 36W 600x600x35mm ánh sáng trắng (T/ trung tính (N) FPD3-6060T/N	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 5 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																722.963		
1084	Led tấm 36W 120x300x35mm ánh sáng trắng (T/ trung tính (N) FPD3-12030T/N	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 5 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																839.167		
1085	Led tấm 40W 600x600x35mm ánh sáng trắng (T/ trung tính (N) FPD-6060T/N	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 5 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																839.167		
1086	Led tube bóng thủy tinh 1x9W 0.6m ánh sáng trắng (T/ vàng (V) bao gồm máng MGT-110T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																97.407		

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
1087	Led tube bóng thủy tinh 1x18W /1.2m ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) bao gồm máng MGT-120T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																113.056		
1088	Led tube bóng thủy tinh 2x9W 0.6m ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) bao gồm máng MGT-210T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	6 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																167.130		
1089	Led tube bóng thủy tinh 1x28W /1.2m ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) bao gồm máng MGT3-120T	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																137.037		
1090	Led bán nguyệt 18W thân nhựa ánh sáng trắng (T)/ vàng (V)	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																116.111		
1091	Led bán nguyệt 36W thân nhựa ánh sáng trắng (T)/ vàng (V)	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																176.759		
1092	Led bán nguyệt 48W thân nhựa	Cái	RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																239.722		
1093	Led chống thấm (IP65) 20W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) LWP2-20T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.9; IP 65 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS; EMC	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																479.630		
1094	Led chống thấm (IP65) 40W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) LWP2-40T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.9; IP 65 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS; EMC	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																748.889		
1095	Led pha 50W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) FLD5-50T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																482.037		

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
1096	Led pha 100W ánh sáng trắng (T)/vàng (V) FLD5-100T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 4 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																1.167.037		
1097	Led pha 150W ánh sáng trắng (T)/vàng (V) FLD5-150T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 4 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																1.868.241		
1098	Led pha 200W ánh sáng trắng (T)/vàng (V) FLD5-200T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/hộp 3 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																2.551.759		
1099	Quạt hút âm tường AF2-150 (đường kính quạt 150mm) AF2-150	Cái	Motor sử dụng bạc đạn Tiêu chuẩn: TCVN 5699-1:2010 TCVN 5699-2-80:2007	1 cái/hộp 8 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																543.611		
1100	Quạt hút âm tường AF2-200 (đường kính quạt 200mm) AF2-200	Cái	Motor sử dụng bạc đạn Tiêu chuẩn: TCVN 5699-1:2010 TCVN 5699-2-80:2007	1 cái/hộp 5 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																608.241		
1101	Quạt hút âm trần AFC2-130 (đường kính quạt 135mm) AFC2-130	Cái	Motor sử dụng bạc đạn Tiêu chuẩn: TCVN 5699-1:2010 TCVN 5699-2-80:2007	1 cái/hộp 6 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																523.889		
1102	Quạt hút âm trần AFC2-250 (đường kính quạt 155mm) AFC2-250	Cái	Motor sử dụng bạc đạn Tiêu chuẩn: TCVN 5699-1:2010 TCVN 5699-2-80:2007	1 cái/hộp 4 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																547.130		
1103	Cầu dao 1 pha 16A MP6-C116	Cái	TCVN 6434-1: 2018 IEC 60898-1: 2015	12 cái/hộp 120 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																47.130		
1104	Cầu dao 1 pha 20A MP6-C120	Cái	TCVN 6434-1: 2018 IEC 60898-1: 2015	12 cái/hộp 120 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																47.130		

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhé	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
1105	Cầu dao 1 pha 25A MP6-C120	Cái	TCVN 6434-1: 2018 IEC 60898-1: 2015	12 cái/hộp 120 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																47.130		
1106	Cầu dao 1 pha 32A MP6-C132	Cái	TCVN 6434-1: 2018 IEC 60898-1: 2015	12 cái/hộp 120 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																47.130		
1107	Cầu dao 1 pha 40A MP6-C140	Cái	TCVN 6434-1: 2018 IEC 60898-1: 2015	12 cái/hộp 120 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																47.130		
1108	Cầu dao 1 pha 50A MP6-C150	Cái	TCVN 6434-1: 2018 IEC 60898-1: 2015	12 cái/hộp 120 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																70.833		
1109	Cầu dao 1 pha 63A MP6-C163	Cái	TCVN 6434-1: 2018 IEC 60898-1: 2015	12 cái/hộp 120 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																70.833		
1110	Cầu dao 2 pha 16A MP6-C216	Cái	TCVN 6434-1: 2008 IEC 60898-1: 2015	6 cái/hộp 60 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																102.963		
1111	Cầu dao 2 pha 20A MP6-C220	Cái	TCVN 6434-1: 2008 IEC 60898-1: 2015	6 cái/hộp 60 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																102.963		
1112	Cầu dao 2 pha 25A MP6-C225	Cái	TCVN 6434-1: 2008 IEC 60898-1: 2015	6 cái/hộp 60 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																102.963		
1113	Cầu dao 2 pha 32A MP6-C232	Cái	TCVN 6434-1: 2008 IEC 60898-1: 2015	6 cái/hộp 60 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																102.963		

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
1114	Cầu dao 2 pha 40A MP6-C240	Cái	TCVN 6434-1: 2008 IEC 60898-1: 2015	6 cái/hộp 60 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																102.963		
1115	Cầu dao 2 pha 50A MP6-C250	Cái	TCVN 6434-1: 2008 IEC 60898-1: 2015	6 cái/hộp 60 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																152.778		
1116	Cầu dao 2 pha 63A MP6-C263	Cái	TCVN 6434-1: 2008 IEC 60898-1: 2015	6 cái/hộp 60 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																152.778		
1117	Cầu dao bảo vệ RCBO 2 pha 16A RCBO-15/216	Cái	IEC 61009-1 : 2006	1 cái/hộp 100 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																380.556		
1118	Cầu dao bảo vệ RCBO 2 pha 20A RCBO-30/220	Cái	IEC 61009-1 : 2006	1 cái/hộp 100 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																380.556		
1119	Cầu dao bảo vệ RCBO 2 pha 32A RCBO-30/232	Cái	IEC 61009-1 : 2006	1 cái/hộp 100 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																380.556		
1120	Cầu dao bảo vệ RCBO 2 pha 40A RCBO-30/240	Cái	IEC 61009-1 : 2006	1 cái/hộp 100 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																412.870		
1121	Cầu dao bảo vệ RCBO 2 pha 63A RCBO-30/263	Cái	IEC 61009-1 : 2006	1 cái/hộp 100 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																584.167		
1122	Cầu dao tự động 15A SB-15	Cái	Tiêu chuẩn: IEC 60898-1:2003	1 cái/hộp 50 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																43.611		

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhé	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
1123	Cầu dao tự động 20A SB-20	Cái	Tiêu chuẩn: IEC 60898-1:2003	1 cái/hộp 50 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																43.611		
1124	Ổ cắm sạc USB type A & type C, DC 5V-2.1A	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy Tiêu chuẩn: TCVN 6188-1:2007 (IEC 60884-1:2002)	6 cái/ hộp 324 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																314.444		
1125	Ổ cắm 2 chấu A6US	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy Tiêu chuẩn: TCVN 6188-1:2007 (IEC 60884-1:2002)	12 cái/hộp 648 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																21.481		
1126	Ổ cắm đôi 3 chấu A6UES2	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy Tiêu chuẩn: TCVN 6188-1:2007 (IEC 60884-1:2002)	4 cái/hộp 216 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																56.019		
1127	Cổng tắc 1 chiều A6M/1	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy Tiêu chuẩn: IEC 60669-1:2007	12 cái/hộp 648 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																14.630		
1128	Cổng tắc 2 chiều A6M/2	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy Tiêu chuẩn: IEC 60669-1:2007	12 cái/hộp 648 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																24.444		
1129	Ổ cắm đồng trục TV loại 75Ohm A6TV75	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy Tiêu chuẩn: TCVN 6188-1:2007 (IEC 60884-1:2002)	12 cái/hộp 648 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																52.037		
1130	Ổ cắm điện thoại 4 dây A6RJ64	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy Tiêu chuẩn: TCVN 6188-1:2007 (IEC 60884-1:2002)	12 cái/hộp 648 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																50.370		
1131	Ổ cắm mạng Lan 8 dây A6RJ88	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy Tiêu chuẩn: TCVN 6188-1:2007 (IEC 60884-1:2002)	12 cái/hộp 648 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																99.074		

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
1132	Nút nhấn chuông 3A A6MBP	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy Tiêu chuẩn: TCVN 6188-1:2007 (IEC 60884-1:2002)	12 cái/hộp 648 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																27.685		
1133	Dimmer điều chỉnh độ sáng đèn Led (200W) A6V200-LED	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy Tiêu chuẩn: TCVN 6188-1:2007 (IEC 60884-1:2002)	20 cái/hộp 200 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																522.685		
1134	Led highbay Nhà xưởng 100W HBV2-100T	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/ Hộp 2 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																1.071.481		
1135	Led highbay Nhà xưởng 150W HBV2-150T	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 cái/ Hộp 2 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																1.646.296		
1136	Led highbay Nhà xưởng 200W HBE-200T	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																4.137.222		
1137	Led highbay Nhà xưởng 240W HBE-240T	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																4.882.778		
1138	Led highbay Nhà xưởng 100W HBE2-100T	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																2.149.074		
1139	Led highbay Nhà xưởng 150W HBE2-150T	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																2.480.648		
1140	Led highbay Nhà xưởng 200W HBE2-200T	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																3.889.074		

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhé	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
1141	Led chiếu sáng khẩn cấp 2x3W EML2	Cái	Thời gian sạc: 20 giờ Thời gian sử dụng: 3 giờ	1 Cái/ Hộp 6 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																835.556		
1142	Led downlight âm trần khẩn cấp 3W EM-AT	Cái	Thời gian sạc: 20 giờ Thời gian sử dụng: 3 giờ	1 Cái/ Hộp 10 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																830.926		
1143	Bộ nguồn khẩn cấp EM-LT	Cái	Công suất tối đa: 20W Dung lượng pin: 4000mAhx2	1 Cái/ Hộp 100 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																1.530.185		
1144	Led thoát hiểm đa năng 1 mặt EX-P	Cái	Thời gian sạc: 20 giờ Thời gian sử dụng: 3 giờ	1 Cái/ Hộp 10 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																713.704		
1145	Led thoát hiểm đa năng 2 mặt EX-P	Cái	Thời gian sạc: 20 giờ Thời gian sử dụng: 3 giờ	1 Cái/ Hộp 10 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																713.704		
1146	Tủ điện âm tường 10-12 kênh TS-10	Cái	IEC 60439-3 : 2001	1 Cái/ Hộp 20 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																271.296		
1147	Tủ điện âm tường 11-14 kênh TS-14	Cái	IEC 60439-3 : 2001	1 Cái/ Hộp 10 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																350.926		
1148	Tủ điện âm tường 15-20 kênh TS-20	Cái	IEC 60439-3 : 2001	1 Cái/ Hộp 6 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																422.593		
1149	Led chiếu sáng đường phố 50W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) LST3-50T/V	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 Cái/ Hộp 6 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																1.424.444		

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
1150	Led chiếu sáng đường phổ 100W ánh sáng trung tính (N)/ vàng (V) LST2-100N/V	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																2.091.852		
1151	Led chiếu sáng đường phổ 150W ánh sáng trung tính (N)/ vàng (V) LST2-150N/V	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																2.685.463		
1152	Led chiếu sáng đường phổ 200W ánh sáng trung tính (N)/ vàng (V) LST2-200N/V	Cái	RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD-2835 Chứng chỉ: CE; RoHS	1 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																3.580.741		
1153	Ống luồn PVC Ø16 320N A9016L	m	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy Chống ăn mòn Chống tia UV Tiêu chuẩn BSEN 61386-21	50 Ống/ Bó	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																14.630		
1154	Ống luồn PVC Ø20 320N A9020L	m	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy Chống ăn mòn Chống tia UV Tiêu chuẩn BSEN 61386-21	30 Ống/ Bó	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																20.370		
1155	Ống luồn PVC Ø25 320N A9025L	m	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy Chống ăn mòn Chống tia UV Tiêu chuẩn BSEN 61386-21	25 Ống/ Bó	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																28.333		
1156	Ống luồn PVC Ø32 320N A9032L	m	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy Chống ăn mòn Chống tia UV Tiêu chuẩn BSEN 61386-21	15 Ống/ Bó	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																52.593		
1157	Ống luồn PVC Ø16 750N A9016	m	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy Chống ăn mòn Chống tia UV Tiêu chuẩn BSEN 61386-21	50 Ống/ Bó	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																15.741		
1158	Ống luồn PVC Ø20 750N A9020	m	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy Chống ăn mòn Chống tia UV Tiêu chuẩn BSEN 61386-21	30 Ống/ Bó	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																22.130		

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhé	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
1159	Ống luồn PVC Ø25 750N A9025	m	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy Chống ăn mòn Chống tia UV Tiêu chuẩn BSEN 61386-21	25 Ống/ Bó	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																31.574		
1160	Ống luồn PVC Ø32 750N A9032	m	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy Chống ăn mòn Chống tia UV Tiêu chuẩn BSEN 61386-21	15 Ống/ Bó	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																65.093		
1161	Ống luồn dây điện dân dòn Ø16 màu trắng A9016CT	m	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy Chống ăn mòn Chống tia UV Tiêu chuẩn BSEN 61386-21	50m/ Cuộn	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																125.463		
1162	Ống luồn dây điện dân dòn Ø20 màu trắng A9020CT	m	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy Chống ăn mòn Chống tia UV Tiêu chuẩn BSEN 61386-21	50m/ Cuộn	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																153.889		
1163	Mặt dúng cho 1 thiết bị 120x70mm A601	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	30 Cái/ Hộp 300 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																12.222		
1164	Mặt dúng cho 2 thiết bị 120x70mm A602	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	30 Cái/ Hộp 300 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																12.222		
1165	Mặt dúng cho 4,5,6 thiết bị 120x116mm A60456	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	30 Cái/ Hộp 300 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																21.667		
1166	Module rời lắp SB A60SB	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	40 Cái/ Hộp 520 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																3.889		
1167	Mặt dúng cho cầu dao an toàn 120x70mm A60SB	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	20 Cái/ Hộp 200 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên.ĐT 0917288866																14.722		

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhé	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
1168	Mặt dùng cho MCB 1 cực 120x70mm A60MCB1	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	30 Cái/ Hộp 300 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																13.981		
1169	Ô cắm đôi 2 chấu để liền 16A KT120x70mm mã A20US2N	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	10 Cái/ Hộp 100 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																60.926		
1170	Ô cắm ba 2 chấu để liền 16A KT120x70mm mã A20US3N	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	10 Cái/ Hộp 100 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																68.056		
1171	Ô cắm đôi 3 chấu để liền 16A KT120x70mm mã A20UES2N	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	10 Cái/ Hộp 100 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																48.333		
1172	Ô cắm đôi đa năng để liền 16A KT120x70mm mã A20UESM2N	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	10 Cái/ Hộp 100 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																48.333		
1173	Ô cắm đa năng + Ô cắm đơn 16A KT120x70mm mã A20US2MN	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	10 Cái/ Hộp 100 Cái/ Thùng	Công ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																43.981		
1174	Ô cắm đôi 2 chấu 16A + 1 Lỗ mã A20US2XN	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	10 Cái/ Hộp 100 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																37.685		
1175	Ô cắm đôi 2 chấu 16A + 2 Lỗ mã A20US2XXN	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	10 Cái/ Hộp 100 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																37.685		
1176	Ô cắm đơn đa năng 16A + 1 Lỗ mã A20USMXN	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	10 Cái/ Hộp 100 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																33.519		

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luôn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
1177	Ô cắm đơn da năng 16A + 2 Lỗ mã A20USMXXN	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	10 Cái/ Hộp 100 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																33.519		
1178	Ô cắm đơn da năng 16A KT120x70mm mã A20USMN	Cái	Nhựa PVC cao cấp Tự chống cháy	10 Cái/ Hộp 100 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương		Công ty TNHH Nam Vy Điện Biên. Thôn Thanh Bình A, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên. ĐT 0917288866																33.519		
XIII. HỆ THỐNG CỬA ĐI, CỬA SỔ																									
1179	NHÓM SINGHAL HỆ 55 VÁT CẠNH	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Vách kính cố định hệ 55 vát cạnh (Kích thước: 2000x1600mm), Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hãng Đồng Á, độ dày 1.0 lýt±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		1.425.600																
1180	NHÓM SINGHAL HỆ 55 VÁT CẠNH	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Cửa đi 1 cạnh hệ 55 vát cạnh (Kích thước: 800x2200mm), Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hãng Đồng Á, độ dày 1.0 lýt±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		1.887.930																
1181	NHÓM SINGHAL HỆ 55 VÁT CẠNH	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Cửa đi 2 cạnh hệ 55 vát cạnh (Kích thước: 1600x2200mm), Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hãng Đồng Á, độ dày 1.0 lýt±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		1.775.070																
1182	NHÓM SINGHAL HỆ 55 VÁT CẠNH	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Cửa sổ hắt 1 cạnh hệ 55 vát cạnh (Kích thước: 800x1600mm), Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hãng Đồng Á, độ dày 1.0 lýt±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		2.003.760																
1183	NHÓM SINGHAL HỆ 55 VÁT CẠNH	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Cửa sổ hắt 2 cạnh hệ 55 vát cạnh (Kích thước: 1200x1600mm), Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hãng Đồng Á, độ dày 1.0 lýt±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		2.080.980																
1184	NHÓM SINGHAL HỆ 55 VÁT CẠNH	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Cửa sổ lùa 2 cạnh hệ 55 vát cạnh (Kích thước: 1400x1600mm), Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hãng Đồng Á, độ dày 1.0 lýt±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		1.683.990																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhé	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
1185	NHÓM SINGHAL HỆ 55 VÁT CẠNH	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Cửa sổ lùa 4 cánh hệ 55 vát cạnh (Kích thước: 2400x1600mm), Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hăng Đồng Á, độ dày 1.0 ly±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		1.572.120																
1186	NHÓM SINGHAL HỆ 55 MẶT CẮT XINGFA	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Vách kính cố định hệ 55 xingfa (Kích thước: 2000x1600mm), Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hăng Đồng Á, độ dày 1.4 ly±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		1.427.580																
1187	NHÓM SINGHAL HỆ 55 MẶT CẮT XINGFA	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Cửa đi 1 cánh hệ 55 xingfa (Kích thước: 1000x2200mm), Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hăng Đồng Á, độ dày 2.0 ly±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		2.469.060																
1188	NHÓM SINGHAL HỆ 55 MẶT CẮT XINGFA	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Cửa đi 2 cánh hệ 55 xingfa (Kích thước: 1600x2200mm), Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hăng Đồng Á, độ dày 2.0 ly±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		2.445.300																
1189	NHÓM SINGHAL HỆ 55 MẶT CẮT XINGFA	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Cửa sổ hắt 1 cánh hệ 55 xingfa (Kích thước: 800x1600mm), Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hăng Đồng Á, độ dày 1.4 ly±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		2.455.200																
1190	NHÓM SINGHAL HỆ 55 MẶT CẮT XINGFA	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Cửa sổ hắt 2 cánh hệ 55 xingfa (Kích thước: 1400x1600mm), Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hăng Đồng Á, độ dày 1.4 ly±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		2.393.820																
1191	NHÓM SINGHAL HỆ 56 SÁP LIỀN	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Vách kính hệ 56 vát cạnh (Kích thước: 2000x1600mm) Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hăng Đồng Á, độ dày 1.2 ly±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		1.470.150																
1192	NHÓM SINGHAL HỆ 56 SÁP LIỀN	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Cửa đi 1 cánh mở quay (Kích thước: 1000x2200mm), Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hăng Đồng Á, độ dày 1.2 ly±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		2.396.790																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luán	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
1193	NHÓM SINGHAL HỆ 56 SÁP LIÊN	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Cửa đi 1 cánh mở quay liên vách (Kích thước: 1000x2200mm), Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hăng Đồng Á, độ dày 1.2 ly±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		2.355.210																
1194	NHÓM SINGHAL HỆ 56 SÁP LIÊN	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Cửa đi 2 cánh mở quay (Kích thước: 1600x2200mm), Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hăng Đồng Á, độ dày 1.2 ly±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		2.455.200																
1195	NHÓM SINGHAL HỆ 56 SÁP LIÊN	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Cửa đi 2 cánh mở quay liên vách (Kích thước: 1600x2200mm), Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hăng Đồng Á, độ dày 1.2 ly±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		2.418.570																
1196	NHÓM SINGHAL HỆ 56 SÁP LIÊN	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Vách cố định (Kích thước: 2000x1600mm) Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hăng Đồng Á, độ dày 1.0 ly±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		2.103.750																
1197	NHÓM SINGHAL HỆ 56 SÁP LIÊN	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Cửa sổ 1 cánh hắt (Kích thước: 800x1600mm), Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hăng Đồng Á, độ dày 1.0 ly±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		2.250.270																
1198	NHÓM SINGHAL HỆ 56 SÁP LIÊN	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Cửa sổ 1 cánh mở hắt liên vách (Kích thước: 800x1600mm), Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hăng Đồng Á, độ dày 1.0 ly±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		2.523.510																
1199	NHÓM SINGHAL HỆ 56 SÁP LIÊN	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Cửa sổ 2 cánh mở quay (Kích thước: 1200x1600mm), Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hăng Đồng Á, độ dày 1.0 ly±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		2.660.130																
1200	NHÓM SINGHAL HỆ 56 SÁP LIÊN	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Cửa sổ 2 cánh mở quay liên vách (Kích thước: 1200x1600mm), Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hăng Đồng Á, độ dày 1.0 ly±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		2.673.990																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sin Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỷ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
1201	NHÓM SINGHAL HỆ THUỶ LỰC:	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Cửa thủy lực K200-SC180 Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hăng Đồng Á, độ dày 2.0 ly±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		5.895.450																
1202	NHÓM SINGHAL HỆ THUỶ LỰC:	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Cửa thủy lực K200-SC120 Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hăng Đồng Á, độ dày 2.0 ly±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		5.466.780																
1203	NHÓM SINGHAL HỆ THUỶ LỰC:	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Cửa thủy lực K200-SC140 Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hăng Đồng Á, độ dày 2.0 ly±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		5.706.360																
1204	NHÓM SINGHAL HỆ THUỶ LỰC:	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Cửa thủy lực SK120-SC180 Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hăng Đồng Á, độ dày 2.0 ly±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		4.900.500																
1205	NHÓM SINGHAL HỆ THUỶ LỰC:	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Cửa thủy lực SK120-SC120 Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hăng Đồng Á, độ dày 2.0 ly±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		4.520.340																
1206	NHÓM SINGHAL HỆ THUỶ LỰC:	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Cửa thủy lực SK120-SC140 Kính dán an toàn Hồng Phúc glass 6.38mm trắng, gioăng hăng Đồng Á, độ dày 2.0 ly±5%)	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		4.532.220																
1207	NAN CỬA CUỐN + PHỤ KIỆN	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Nan cửa cuốn chống bão G91: Thân cửa sản xuất từ hợp kim nhôm - Sơn cao cấp - Bản nan 90mm giảm âm 2 chiều lên xuống - Thân cửa màu nâu vàng, lỗ thoáng hình kim tiền	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		2.940.300																
1208	NAN CỬA CUỐN + PHỤ KIỆN	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Nan cửa cuốn SE03: - Sơn màu caphe, 4chân, 2 vít, giảm âm 1 chiều lên, xuống. - Dày hộp U76 - Trục phi 113,5mm dày 1,8 mm + puli nhựa.	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		2.680.000																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuấn Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Áng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
1209	NAN CỬA CUỐN + PHỤ KIỆN	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Nan cửa cuốn G88: - Kết hợp 2 nan, sơn màu xanh mint, giảm âm 2 chiều lên, xuống. - Day hộp U76 - Trục phi 113,5mm dày 1,8 mm + puli nhựa.	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		2.650.000																
1210	NAN CỬA CUỐN + PHỤ KIỆN	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Nan cửa cuốn G61: - Sơn màu cà phê sáng, giảm âm 2 chiều lên, xuống. - Day hộp U76 - Trục phi 113,5 mm dày 1,8 mm + puli nhựa	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		1.940.000																
1211	NAN CỬA CUỐN + PHỤ KIỆN	m2	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Nan cửa cuốn S70 Plus: - Kết hợp 2 nan, sơn màu cà phê + vàng cát, giảm âm 2 chiều lên, xuống. - Day hộp U76 - Trục phi 113,5mm dày 1,8 mm + puli nhựa	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		2.690.000																
1212	NAN CỬA CUỐN + PHỤ KIỆN	Bộ	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2018	Nan cửa cuốn G60: - Sơn màu esphê, giảm âm 1 chiều lên, xuống. - Day hộp U76 - Trục phi 113,5mm dày 1,8mm + puli nhựa	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		1.550.000																
1213	NAN CỬA CUỐN + PHỤ KIỆN	Bộ	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2018	Nan cửa cuốn G60 Plus: - Sơn màu ghi sáng, giảm âm 1 chiều lên, xuống. - Day hộp U76 - Trục phi 113,5mm dày 1,8mm + puli nhựa	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		1.600.000																
1214	NAN CỬA CUỐN + PHỤ KIỆN	Bộ	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Phụ kiện lưu điện Singdoor - Lưu điện Singdoor 300W	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		4.242.150																
1215	NAN CỬA CUỐN + PHỤ KIỆN	Bộ	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Phụ kiện lưu điện Singdoor - Lưu điện Singdoor 500W	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		5.544.000																
1216	NAN CỬA CUỐN + PHỤ KIỆN	Bộ	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Phụ kiện lưu điện Singdoor - Lưu điện Singdoor 900W	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		7.573.500																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhé	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
1217	NAN CỬA CUỐN + PHỤ KIỆN	Bộ	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Phụ kiện lưu điện Singdoor - Lưu điện Singdoor 1000W	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		9.157.500																
1218	NAN CỬA CUỐN + PHỤ KIỆN	Bộ	QCVN 16:2019/BXD; TCVN197-1:2014; TCVN12513-7:2018	Phụ kiện lưu điện Singdoor - Lưu điện Singdoor 1200W	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN SINGHAL		Đại lý Bùi Văn Nghĩa; Địa chỉ: Số 176A tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên		11.236.500																
1219	Nhôm thanh sơn tĩnh điện Đồng Á các màu nâu cà phê và trắng sứ.	Kg	QCVN 16:2019/BXD	Độ dày <1mm	Công ty TNHH NHÓM ĐỒNG Á			97.000	97.000																
1220	Nhôm thanh sơn tĩnh điện Đồng Á màu vân gỗ.	Kg	QCVN 16:2019/BXD	Độ dày <1mm	Công ty TNHH NHÓM ĐỒNG Á			109.000	109.000																
1221	Nhôm thanh sơn tĩnh điện Đồng Á các màu nâu cà phê và trắng sứ.	Kg	QCVN 16:2019/BXD	Độ dày >=1mm	Công ty TNHH NHÓM ĐỒNG Á			94.000	94.000																
1222	Nhôm thanh sơn tĩnh điện Đồng Á màu vân gỗ.	Kg	QCVN 16:2019/BXD	Độ dày >1mm	Công ty TNHH NHÓM ĐỒNG Á			106.000	106.000																
1223	Cửa đi, cửa sổ và vách nhôm thường Đồng Á sơn tĩnh điện màu cà phê và màu trắng	m2	QCVN 16:2019/BXD	độ dày của nhôm 0,7-1,0mm.	Công ty TNHH NHÓM ĐỒNG Á			900.000	900.000																
1224	Cửa đi, cửa sổ, vách kính nhôm Đồng Á hệ XingFa (DY-56)	m2	QCVN 16:2019/BXD	độ dày nhôm 1,2-1,4mm, sơn tĩnh điện màu cà phê hoặc trắng sứ. Khóa tay bê vuông (Đối với kích thước cửa >1,6m2)	Công ty TNHH NHÓM ĐỒNG Á			2.050.000	2.050.000																
1225	Cửa đi, cửa sổ, vách kính nhôm Đồng Á hệ XingFa (DY-56)	m2	QCVN 16:2019/BXD	độ dày nhôm 1,2-1,4mm, màu vân gỗ. Khóa tay bê vuông (Đối với kích thước cửa >1,6m2)	Công ty TNHH NHÓM ĐỒNG Á			2.150.000	2.150.000																
1226	Cửa đi, cửa sổ, vách kính nhôm Đồng Á hệ XingFa (DY-56)	m2	QCVN 16:2019/BXD	độ dày nhôm 1,4-2,0mm, sơn tĩnh điện màu cà phê hoặc trắng sứ. Khóa tay bê vuông (Đối với kích thước cửa >1,6m2)	Công ty TNHH NHÓM ĐỒNG Á			2.550.000	2.550.000																
1227	Cửa đi, cửa sổ, vách kính nhôm Đồng Á hệ XingFa (DY-56)	m2	QCVN 16:2019/BXD	độ dày nhôm 1,4-2,0mm, màu vân gỗ. Khóa tay bê vuông (Đối với kích thước cửa >1,6m2)	Công ty TNHH NHÓM ĐỒNG Á			2.700.000	2.700.000																
1228	Cửa đi, cửa sổ, vách kính nhôm Đồng Á hệ Vát cạnh (DY-55)	m2	QCVN 16:2019/BXD	độ dày nhôm 0,9-1,1mm, sơn tĩnh điện màu cà phê hoặc trắng sứ. Khóa tay bê vuông (Đối với kích thước cửa >1,6m2)	Công ty TNHH NHÓM ĐỒNG Á			1.580.000	1.580.000																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuấn Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Áng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
1229	Cửa đi, cửa sổ, vách kính nhôm Đồng Á hệ Vát cạnh (DY-55)	m2	QCVN 16:2019/BXD	độ dày nhôm 0,9-1,1mm, màu vân gỗ. Dưới bụng lá nhôm 2 mặt trên sử dụng kính trắng đối với cửa đi. Khóa tay bẻ vuông (Đối với kích thước cửa >1,6m2)	Công ty TNHH NHÓM ĐỒNG Á			1.650.000	1.650.000																
1230	Cửa đi, cửa sổ, vách kính nhôm Đồng Á hệ Vát cạnh (DY-55)	m2	QCVN 16:2019/BXD	độ dày nhôm 1,1-1,4mm, sơn tĩnh điện màu cà phê hoặc trắng sứ. Khóa tay bẻ vuông (Đối với kích thước cửa >1,6m2)	Công ty TNHH NHÓM ĐỒNG Á			1.760.000	1.760.000																
1231	Cửa đi, cửa sổ, vách kính nhôm Đồng Á hệ Vát cạnh (DY-55)	m2	QCVN 16:2019/BXD	độ dày nhôm 1,1-1,4mm, màu vân gỗ. Khóa tay bẻ vuông (Đối với kích thước cửa >1,6m2)	Công ty TNHH NHÓM ĐỒNG Á			1.820.000	1.820.000																
1232	Vách nhôm mặt dựng hệ 65 Đồng Á	m2	QCVN 16:2019/BXD	dây 2.0mm, màu cà phê hoặc màu ghi xám.	Công ty TNHH NHÓM ĐỒNG Á			2.800.000	2.800.000																
1233	Tủ bếp nhôm nội thất Đồng Á	m2	QCVN 16:2019/BXD	màu vân gỗ, độ dày nhôm 1.0mm	Công ty TNHH NHÓM ĐỒNG Á			3.200.000	3.200.000																
1234	Tủ quần áo, tủ dây, tủ rượu, giá sách... nhôm nội thất Đồng Á	m2	QCVN 16:2019/BXD	màu vân gỗ, độ dày nhôm 1.0mm	Công ty TNHH NHÓM ĐỒNG Á			3.000.000	3.000.000																
1235	Cửa nhôm hệ thủy lực	m2	QCVN 16:2019/BXD	Bản cánh rộng 180x65mm, bản khung rộng 200x55mm, nhôm Đồng Á, màu cà phê hoặc vân gỗ, độ dày nhôm 2.0mm	Công ty TNHH NHÓM ĐỒNG Á			3.100.000	3.100.000																
1236	Cửa nhôm hệ thủy lực	m2	QCVN 16:2019/BXD	Bản cánh rộng 160x60mm, bản khung rộng 150x50mm, nhôm Đồng Á, màu cà phê hoặc vân gỗ, độ dày nhôm 2.0mm	Công ty TNHH NHÓM ĐỒNG Á			2.800.000	2.800.000																
1237	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Việt Pháp	m2	QCVN16:2019/BXD	V1: Vách kính hệ 4400 Việt Pháp, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong.(kích thước cửa 2000x1600 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.3 mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	1.795.428																	
1238	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Việt Pháp	m2	QCVN16:2019/BXD	V2: Cửa đi 1 cánh hệ 4400 Việt Pháp, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong. (kích thước cửa 800 x2200 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.3÷1.4 mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	2.473.862																	
1239	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Việt Pháp	m2	QCVN16:2019/BXD	V3: Cửa đi 1 cánh hệ 450 Việt Pháp, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong. (kích thước cửa 900 x2200 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.3÷1.8 mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	2.891.119																	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
1240	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Việt Pháp	m2	QCVN16:2019/BXD	V4: Cửa đi 2 cánh hệ 450 Việt Pháp, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong. (kích thước cửa 1400 x2200 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.3÷1.8 mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	2.857.663																	
1241	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Việt Pháp	m2	QCVN16:2019/BXD	V5: Cửa sổ mở quay (hất) 1 cánh hệ 4400 Việt Pháp , kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong. (kích thước cửa 800 x1600 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.3÷1.4 mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	2.310.197																	
1242	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Việt Pháp	m2	QCVN16:2019/BXD	V6: Cửa sổ mở quay (hất) 2 cánh hệ 4400 Việt Pháp, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong. (kích thước cửa 1200 x1600 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.3÷1.4 mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	2.363.241																	
1243	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Việt Pháp	m2	QCVN16:2019/BXD	V7: Cửa sổ lùa 2 cánh hệ 2600 Việt Pháp, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong (kích thước cửa 1200 x1600 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.3÷1.4 mm).	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	2.165.885																	
1244	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Việt Pháp	m2	QCVN16:2019/BXD	V8: Cửa sổ lùa (3) 4 cánh hệ 2600 Việt Pháp, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong (kích thước cửa 1800 x1600 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.3÷1.4 mm).	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	2.212.790																	
1245	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Việt Pháp	m2	QCVN16:2019/BXD	V9: Hệ mặt dựng 1100 Việt Pháp, kính an toàn 2 lớp 8,38 mm trắng trong (kích thước cửa 3500 x2500 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.4÷2.0 mm).	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	2.682.221																	
1246	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Xingfa	m2	QCVN16:2019/BXD	V10: Vách kính cố định hệ 55 Xingfa, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong (kích thước vách 2000 x1600mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.4 mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	1.884.467																	
1247	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Xingfa	m2	QCVN16:2019/BXD	V11: Cửa đi một cánh hệ 55 Xingfa, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong (kích thước cửa 1000 x2200 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.8÷2.0mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	2.913.546																	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luôn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
1248	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Xingfa	m2	QCVN16:2019/BXD	V12: Cửa đi 2 cánh hệ 55 Xingfa, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong (kích thước cửa 1600 x2200 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.8÷2.0mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	2.893.532																	
1249	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Xingfa	m2	QCVN16:2019/BXD	V13: Cửa sổ hắt 1 cánh hệ 55 Xingfa, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong (kích thước cửa 800 x1600 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.4 mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	2.895.876																	
1250	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Xingfa	m2	QCVN16:2019/BXD	V14: Cửa sổ hắt 2 cánh hệ 55 Xingfa, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong (kích thước cửa 1400 x1600 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.4 mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	2.830.505																	
1251	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Xingfa	m2	QCVN16:2019/BXD	V15: Cửa sổ lùa 2 cánh 93 Xingfa, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong (kích thước cửa 1400 x1600 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.8÷2.0mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	2.389.488																	
1252	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Xingfa	m2	QCVN16:2019/BXD	V16: Cửa sổ lùa (3) 4 cánh 93 Xingfa, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong (kích thước cửa 2600 x1600 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.8÷2.0mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	2.366.975																	
1253	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Xingfa	m2	QCVN16:2019/BXD	V17: Hệ mặt dựng Xingfa 65, kính an toàn 2 lớp 8,38 mm trắng trong (kích thước cửa 3500 x2500 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.5÷2.5 mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	2.815.414																	
1254	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Xingfa	m2	QCVN16:2019/BXD	V18: Vách kính cố định hệ 93 Xingfa, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong (kích thước cửa 2000 x1600 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.5÷2.0 mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	2.099.053																	
1255	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ 55 vật cạnh	m2	QCVN16:2019/BXD	V19: Cửa đi một cánh hệ 55 vật cạnh, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong (kích thước cửa 800 x2200 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.0 mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	2.251.591																	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luán	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
1256	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ 55 vật cạnh	m2	QCVN16:2019/BXD	V20: Cửa đi 2 cánh hệ 55 vật cạnh, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong.(kích thước cửa 1600 x2200 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.0 mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	2.160.543																	
1257	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ 55 vật cạnh	m2	QCVN16:2019/BXD	V21: Cửa sổ hắt 1 cánh hệ 55 vật cạnh , kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong.(kích thước cửa 800 x1600 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.0 mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	2.386.569																	
1258	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ 55 vật cạnh	m2	QCVN16:2019/BXD	V22: Cửa sổ hắt 2 cánh hệ 55 vật cạnh, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong.(kích thước cửa 1200 x1600 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.0 mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	2.478.807																	
1259	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ 55 vật cạnh	m2	QCVN16:2019/BXD	V23: Cửa sổ lùa 2 cánh 55 vật cạnh, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong.(kích thước cửa 1400 x1600 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.0 mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	2.025.722																	
1260	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ 55 vật cạnh	m2	QCVN16:2019/BXD	V24: Cửa sổ lùa (3) 4 cánh 55 vật cạnh, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong.(kích thước cửa 2400 x1600 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.0 mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	1.893.103																	
1261	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ 55 vật cạnh	m2	QCVN16:2019/BXD	V25: Vách kính cố định hệ 55 vật cạnh, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong (kích thước vách 2000 x1600mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.0 mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	1.741.628																	
1262	Cửa thủy lực khung nhôm	m2	QCVN16:2019/BXD	V26: Cửa nhôm thủy lực 1 cánh Việt Pháp, (bản nhôm 120mm) kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong (kích thước cửa 1100 x2600 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.6~2.2 mm).	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	4.480.197																	
1263	Cửa thủy lực khung nhôm	m2	QCVN16:2019/BXD	V27: Cửa nhôm thủy lực 2 cánh Việt Pháp,(bản nhôm 120mm) kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong (kích thước cửa 2200 x2600 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.6~2.2 mm).	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	4.642.564																	

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sín Chải	Xã Mường Luồn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
1264	Cửa kính khung nhôm Hệ trượt quay	m2	QCVN16:2019/BXD	V27: Cửa trượt quay 2 cánh Việt Pháp, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong (kích thước cửa 1800 x2400 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.6÷2.5 mm).	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	3.247.702																	
1265	Cửa kính khung nhôm Hệ trượt quay	m2	QCVN16:2019/BXD	V28: Cửa trượt quay 4 cánh Việt Pháp, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong (kích thước cửa 3200 x2400 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.6÷2.5 mm).	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	3.122.486																	
1266	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Việt Pháp	m2	QCVN16:2019/BXD	V30: Cửa sổ lùa 2 cánh hệ 2600 Việt Pháp, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm t (kích thước cửa 1200mm x1600 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.0 mm).	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	1.453.069																	
1267	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Việt Pháp	m2	QCVN16:2019/BXD	V31: Cửa sổ mở quay 1 cánh hệ 4400 Việt Pháp , kính an toàn 2 lớp 6,38 mm . (kích thước cửa 800mm x1600 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 0.9 mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	1.573.424																	
1268	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Việt Pháp	m2	QCVN16:2019/BXD	V32: Cửa sổ mở hất 1 cánh hệ 4400 Việt Pháp , kính an toàn 2 lớp 6,38 mm . (kích thước cửa 800mm x1600 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 0.9 mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	1.570.124																	
1269	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Việt Pháp	m2	QCVN16:2019/BXD	V33: Cửa đi 1 cánh hệ 450 Việt Pháp, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm . (kích thước cửa 900mm x2200 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 0.9 mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	1.755.606																	
1270	Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Việt Pháp	m2	QCVN16:2019/BXD	V34: Vách kính hệ 4400 Việt Pháp, kính an toàn 6.38mm, (kích thước cửa 2000x 1600mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 0.9mm)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp		Nhà phân phối Công ty TNHH Phúc Nga Điện Biên; SN 148, tổ 12, phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Số ĐT 0912.600.034	1.346.490																	
XIV. CÁC LOẠI VẬT LIỆU KHÁC																									
1271	Kính các loại	m2		Kính trắng tron 5 ly Liên doanh								261.111													
1272	Kính các loại	m2		Kính màu trà, xanh đen, lơ Liên doanh																					
1273	Kính các loại	m2		Kính hoa dầu Liên doanh								214.815													
1274	Tre trồng các loại	cây		Tre rừng ĐK 6 - 8 cm, L = 6m				46.296	46.296																

STT	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Nhà sản xuất/Nhà phân phối	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Thanh	Phường Mường Lay	Xã Sinh Phình	Xã Tuần Giáo	Xã Sam Mứn	Xã Mường Ảng	Xã Xá Nhè	Xã Na Sang	Xã Thanh An	Xã Thanh Yên	Xã Sìn Chải	Xã Mường Luôn	Xã Búng Lao	Xã Nà Hỳ	Xã Thanh Nưa	Xã Mường Chà	Xã Nà Tấu
1275	Bạt chống nóng	m2						23.148	23.148																
1276	Tấm gỗ ép công nghiệp	tấm		220x2440 dày 0,8-1mm																		162.037			
1277	Tấm Aluminum	tấm		1220x2440 dày 0,5-0,8mm																		15.741			
1278	Gỗ ván ép	tấm		(1,2m x 2,4m)				277.778	277.778																